

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

DỰ THẢO



**BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI
CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2017-2018**

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2017

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2017-2018
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN, ngày tháng năm 2017 của Giám đốc ĐHTN)

1. Tiêu chuẩn và thang điểm cho từng tiêu chuẩn

STT	Tiêu chuẩn	Thang điểm	Trang
1	Tổ chức thực hiện các cuộc vận động và xây dựng cơ quan văn hóa	50	3
2	Công tác đào tạo	200	6
3	Công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	200	19
4	Công tác Nghiên cứu KH và chuyển giao công nghệ	200	29
5	Công tác cán bộ	50	32
6	Công tác Hợp tác quốc tế	100	35
7	Công tác kế hoạch - tài chính, thống kê và thực hiện nghĩa vụ đóng góp	100	41
8	Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	100	45
9	Công tác học sinh, sinh viên	100	48
10	Công tác thanh tra, kiểm tra	50	59
11	Công tác pháp chế	50	63
12	Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ	150	68
13	Công tác công nghệ thông tin	80	70
14	Công tác Giáo dục quốc phòng – An ninh và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBVC và HSSV	70	74
Tổng điểm		1.500	

2. Nội dung tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và thang điểm cho từng tiêu chí

Tiêu chuẩn 1 TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG VÀ XÂY DỰNG CƠ QUAN VĂN HÓA Tổng điểm: 50 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1.	Triển khai học tập, quán triệt và thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “ <i>đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh</i> ” và chuyên đề “ <i>Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</i> ”; cuộc vận động “ <i>Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo</i> ”; thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.	5,0	
1.1.	<i>Triển khai trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và lao động</i>	2,5	- MC: Các văn bản chỉ đạo, triển khai và kế hoạch thực hiện. - PPDG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*).
1.2.	<i>Triển khai trong đội ngũ sinh viên, học sinh</i>	2,5	- MC: Các văn bản chỉ đạo, triển khai và kế hoạch thực hiện. - PPDG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*).
2.	Đảng ủy, lãnh đạo đơn vị và các đoàn thể quần chúng phối hợp tốt trong việc chỉ đạo và tổ chức triển khai các cuộc vận động gắn với hoạt động dạy và học	5,0	- MC: Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; văn bản phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội CCB...) triển khai thực hiện cuộc vận động. - PPDG: Có văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy (1,0 điểm); có văn bản triển khai của chính quyền (1,0 điểm);

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			có văn bản triển khai của Công đoàn (1,0 điểm); có văn bản triển khai của Đoàn TN và Hội SV (1,0 điểm); có văn bản triển khai của Hội CCB (1,0 điểm).
3	Tổ chức hội nghị CBVCLĐ đúng quy định; Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; Tham gia và thực hiện tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo	10	<p>- MC: Văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai và tổ chức Hội nghị CBVCLĐ; xây dựng, cập nhật, cụ thể hóa Quy chế dân chủ cơ sở; Văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện và kết quả đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, nhân đạo.</p> <p>- PPĐG: Có văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai và tổ chức Hội nghị CBVCLĐ đúng quy định (4,0 điểm); Có xây dựng, cập nhật và cụ thể hóa Quy chế dân chủ cơ sở (3,0 điểm); Có văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện và hoàn thành chỉ tiêu đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, nhân đạo (3,0 điểm).</p>
4	Kết quả thực hiện các cuộc vận động, chương trình hành động cho thấy có sự chuyển biến về nhận thức, chất lượng dạy và học được nâng lên; môi trường giáo dục được cải thiện, tập thể đơn vị đoàn kết; các vụ việc tiêu cực trong cán bộ, HSSV giảm so với năm học trước	10	<p>- MC: Báo cáo kết quả triển khai học tập, quán triệt và thực Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và chuyên đề “<i>Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</i>” (tỷ lệ tham gia học tập; số người và tỷ lệ có đăng ký nội dung làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh); Báo cáo tổng kết/sơ kết thực hiện các cuộc vận động, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013; các giải pháp phòng chống tiêu cực và số liệu tổng kết so sánh về công tác phòng chống tiêu cực.</p> <p>- PPĐG: Có triển khai học tập Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và chuyên đề “<i>Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh</i>”</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			(2,0 điểm); Có từ 90% CBVCLĐ trở lên đăng ký các nội dung làm theo tấm gương đạo đức, phong cách của Bác (2,0 điểm); có báo cáo sơ kết/tổng kết các cuộc vận động (2,0 điểm); có báo cáo sơ kết/tổng kết chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW (2,0 điểm); có số liệu so sánh cho thấy các tiêu cực giảm so với năm trước (2,0 điểm)
5	Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước trong đơn vị; làm tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng và tổ chức tuyên dương, tuyên truyền gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt	10,0	<p>- MC: Các văn bản phát động, sơ, tổng kết các phong trào thi đua; Kế hoạch bồi dưỡng, xây dựng điển hình tiên tiến và các giải pháp thực hiện; Kết quả bồi dưỡng, xây dựng điển hình tiên tiến; Văn bản, tài liệu nghi nhận việc tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt.</p> <p>- PPĐG: Có phát động thi đua năm học và thi đua chuyên đề, đột xuất trong năm học (2,0 điểm); có sơ/tổng kết các các phong trào thi đua đã phát động (2,0 điểm); Có kế hoạch và cập nhật kế hoạch xây dựng điển hình tiên tiến (2,0 điểm); Có tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng (2,0 đ); Có tổ chức nêu gương, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt (2,0 đ).</p>
6	Xây dựng cơ quan văn hóa	10,0	
6.1	<i>Có kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng đơn vị thành cơ quan văn hóa</i>	3,0	<p>- MC: Bản đăng ký, kế hoạch xây dựng cơ quan văn hóa và văn bản triển khai.</p> <p>- PPĐG: Có bản đăng ký đảm bảo chất lượng (3,0 đ).</p>
6.2	<i>Đơn vị được công nhận đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”</i>	7,0	- MC: Quyết định công nhận danh hiệu "Cơ quan văn hóa" của cấp có thẩm quyền.

Tiêu chuẩn 2
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO
Tổng điểm: 200 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
I	Đào tạo đại học, cao đẳng	120,0	
1	Ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai công tác đào tạo. Triển khai đúng các văn bản chỉ đạo về công tác đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và ĐHTN.	5,0	<p>- MC: Các văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai công tác đào tạo của đơn vị đối với các trình độ, hình thức đào tạo; các biên bản triển khai công tác của các khoa, bộ môn; các biên bản kiểm tra của các đơn vị đối với việc thực hiện của khoa, bộ môn; kế hoạch đào tạo toàn khóa và năm học đối với các bậc, loại hình đào tạo, nộp ĐHTN đúng thời hạn quy định; ban hành kịp thời các văn bản triển khai, các văn bản chỉ đạo về công tác đào tạo của Bộ GD&ĐT và của ĐHTN.</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng minh chứng (*). 01 trường hợp không triển khai kịp thời, không đúng các quy định về tổ chức quản lý và đào tạo bị trừ 1,0 điểm.</p>
2	Tổ chức và quản lý đào tạo theo quy chế, quy định đối với các trình độ và hình thức đào tạo của Bộ GD&ĐT và của ĐHTN	5,0	<p>- MC: Các văn bản chỉ đạo, triển khai của đơn vị để thực hiện Quy chế, Quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHTN về tổ chức và quản lý đào tạo ở các trình độ và hình thức đào tạo; biên bản xét kết quả học tập của HSSV; biên bản xét tốt nghiệp đối với HSSV ở các trình độ, hình thức đào tạo...</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng các minh chứng (*). 01 trường hợp vi phạm quy chế, quy định về tổ chức quản lý và đào tạo bị trừ 1,0 điểm.</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
3	Xây dựng quy trình quản lý và tổ chức đào tạo gắn với đề án vị trí việc làm.	10,0	<p>- MC:</p> <p>+ Văn bản phê duyệt quy trình quản lý và tổ chức đào tạo (quy trình tuyển sinh các hệ đào tạo; quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo; quy trình xây dựng thời khóa biểu; Quy trình đăng ký học; quy trình thực hành, thực tập; quy trình nhật điểm; quy trình xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp,...).</p> <p>+ Các văn bản kèm theo quy trình (quyết định, công văn, thông báo, tờ trình, biểu mẫu,..).</p> <p>- PPDG: Đủ quy trình xây dựng được phê duyệt và đưa vào vận hành 10,0 điểm (Ban hành quyết định; công khai trên website, có các văn bản đính kèm theo quy mỗi quy trình). Thiếu 01 quy trình trừ 2,0 điểm.</p>
4	Thư viện của nhà trường có đủ giáo trình, học liệu tham khảo cho tất cả các môn học ở các trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử nối mạng phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.	5,0	<p>- MC:</p> <p>+ Quy định của đơn vị về viết giáo trình; về yêu cầu giáo trình, tài liệu tham khảo đối với các môn học;</p> <p>+ Thống kê giáo trình, tài liệu tham khảo của tất cả các môn học trong chương trình đào tạo; danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của các môn học có trong thư viện của nhà trường.</p> <p>- PPDG:</p> <p>+ Mỗi môn học không có đủ giáo trình hoặc tài liệu tham khảo bị trừ 1,0 điểm.</p> <p>+ Thư viện không được nối mạng, kết nối với thư viện của các cơ sở giáo dục đại học khác phục vụ giảng dạy và NCKH bị trừ 2,5 điểm.</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
5	Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, cơ sở sản xuất thử nghiệm... đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.	5,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: Danh mục các bài thực hành, thực tập trong CTĐT, giảng viên hướng dẫn, kèm theo các trang thiết bị phục vụ cho thực hành, thí nghiệm. - PPDG: Không đủ trang thiết bị đáp ứng các bài thực hành, thí nghiệm trong CTĐT bị trừ 2,5 điểm. Không có minh chứng thể hiện sự thay đổi phát triển hơn so với năm trước trừ 2,5 điểm.
6	Thực hiện hợp tác trong đào tạo giữa cơ sở đào tạo với các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động thông qua việc ký kết hợp đồng, thỏa thuận hợp tác.	5,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: Hợp đồng, thỏa thuận hợp tác về thực hành, thực tập; hợp đồng, thỏa thuận hợp tác về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong đào tạo. - PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). (Có Hợp đồng ký kết: 40% điểm; Triển khai có kết quả: 60% điểm). Không có minh chứng thể hiện sự thay đổi phát triển hơn so với năm trước trừ 2,5 điểm.
7	Điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra (CĐR) và chương trình đào tạo (CTĐT): Có rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT theo yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục (đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội, đảm bảo tính liên thông, định kỳ chỉnh sửa, bổ sung, có tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng trong nước và chương trình tiên tiến quốc tế)	15,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: + Quyết định thành lập hội đồng điều chỉnh, cập nhật CĐR và CTĐT; quy trình xây dựng CĐR và CTĐT; căn cứ để xây dựng CTĐT (CĐR, các CTĐT tham khảo trong và ngoài nước); đóng góp của các cơ quan, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, cựu sinh viên đối với việc xây dựng CTĐT; + Minh chứng khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan; Biên bản về chỉnh sửa, bổ sung CĐR, CTĐT. + Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu CĐR và CTĐT; + Bảng đối sánh CTĐT của nhà trường và về cấu trúc, khối lượng các học phần với CĐR; + Các CTĐT tham khảo (của ít nhất 02 cơ sở đào tạo trong và

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			ngoài nước); + CĐR và CTĐT được nhà trường phê duyệt. - PPĐG: + Các CTĐT được thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra, đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR được rõ ràng; + Có tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng trong nước và chương trình tiên tiến quốc tế trong việc xây dựng CTĐT; + Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT; + CTĐT được điều chỉnh có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan. + Mỗi CTĐT được điều chỉnh, cập nhật được 3,0 điểm.
8	Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; phương pháp, qui trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa đảm bảo tính khách quan, công bằng, nghiêm túc phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ	5,0	- MC: + Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo tín chỉ; + Cách thức kiểm tra, đánh giá thể hiện trong đề cương môn học; + Kế hoạch, quy định về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên; + Biên bản đánh giá công tác giảng dạy đối với giảng viên; + Văn bản cử cán bộ giảng viên đi dự tập huấn, hội nghị, hội thảo về thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; + Văn bản về việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên trong trường về thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá;

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<p>+ Số liệu thống kê và báo cáo điều tra khảo sát cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đối tượng liên quan về thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo đào tạo tín chỉ;</p> <p>+ Văn bản rà soát và cập nhật 5 tài liệu lên lớp của giảng viên theo quy định.</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Không có minh chứng thể hiện sự thay đổi phát triển hơn so với năm trước trừ 2,5 điểm.</p>
9	Thực hiện giảng dạy môn học/học phần bằng tiếng Anh (không bao gồm các học phần ngoại ngữ, các học phần thuộc chương trình tiên tiến).	10,0	<p>- MC: Chương trình đào tạo; Kế hoạch giảng dạy; Phân công giảng viên; Thời khóa biểu được Nhà trường (hoặc phòng Đào tạo) phê duyệt triển khai (giảng dạy toàn bộ hoặc một số chương của môn học/học phần).</p> <p>- PPĐG: Mỗi môn học/học phần (hoặc một số chương) được giảng dạy bằng tiếng Anh: 2,5 điểm (ban hành văn bản và lập kế hoạch: 40% điểm; Triển khai và có kết quả: 60%).</p> <p>+ Đối với Khoa Ngoại ngữ, các môn học/học phần thuộc khối kiến thức cơ bản (Tin học, Nhà nước và pháp luật,...) giảng dạy bằng Tiếng Anh được 2,5 điểm.</p> <p>+ Đối với Khoa Quốc tế, Chương trình tiên tiến của Trường ĐH Nông Lâm, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp các môn học/học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam được giảng dạy bằng Tiếng Anh được 2,5 điểm.</p> <p>+ Đối với Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, mỗi môn học/học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh: 5,0 điểm.</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
10	Mở chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc chương trình tiên tiến.	20,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: Đề án, Quyết định phê duyệt chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến của cấp có thẩm quyền. - PPĐG: Mở được một chương trình đào tạo chất lượng cao/tiên tiến được 10,0 điểm. + Triển khai xây dựng xong đề án: 50% điểm. + Được xác nhận mở được một chương trình đào tạo: 50% điểm.
11	Triển khai thí điểm kết hợp giữa đào tạo e-learning và đào tạo truyền thống một số môn học trong chương trình đào tạo .	20,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: + Văn bản triển khai của cơ sở đào tạo; + Quy định của nhà trường về đào tạo e-learning; + Các môn học được triển khai thí điểm; minh chứng trên website. -PPĐG: Mỗi môn học/học phần được triển khai kết hợp giữa đào tạo e-learning và đào tạo truyền thống được 5,0 điểm. Trong đó mỗi môn học/học phần: + Xây dựng xong học liệu điện tử : 30% điểm. + Triển khai thực hiện: 30% điểm. + Kết quả thực hiện (có công nhận điểm đánh giá SV): 40% điểm.
12	Triển khai việc rà soát, bổ sung đảm bảo đáp ứng các điều kiện chất lượng theo Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học);	15,0	<ul style="list-style-type: none"> - MC: + Báo cáo sơ bộ phân nhóm giảng viên cơ hữu theo ngành. Kế hoạch và giải pháp khắc phục điều kiện đủ số lượng giảng viên cơ hữu. Theo quy định Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, mỗi ngành có ít nhất 10 giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trở lên cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó có ít nhất 01 TS và 04 ThS, hoặc 02 TS và 02 ThS cùng ngành đăng ký đào tạo. + Tập đề án của ngành đào tạo đã được rà soát, bổ sung; Thủ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<p>trường cơ sở đào tạo phê duyệt.</p> <p>- PPĐG:</p> <p>+ Hoàn thiện báo cáo phân nhóm giảng viên theo ngành (có báo cáo phân nhóm giảng viên cơ hữu, nhưng không nhất thiết phải đáp ứng ngay theo quy định của Thông tư 22/2017): 5,0 điểm.</p> <p>+ Mỗi ngành đào tạo trình độ đại học đang triển khai thực hiện tại cơ sở đào tạo được rà soát, bổ sung đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và điểm a, b khoản 4 Điều 2 của Thông tư 22/2017 được 2,0 điểm.</p>
II	Đào tạo Sau đại học	80,0	
1	Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo	8,0	
1.1	<i>Xây dựng kế hoạch đào tạo năm học, khóa học theo các văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai kế hoạch theo đúng Chỉ thị của năm học của Bộ GD&ĐT.</i>	3,0	<p>- MC : Kế hoạch đào tạo các trình độ : TS, Ths, BSNTBV, BSCK được cấp có thẩm quyền phê duyệt ; Các văn bản hướng dẫn triển khai CTĐT theo chỉ thị năm học.</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng các minh chứng (*). 01 trường hợp không triển khai theo các quy định về tổ chức quản lý và đào tạo bị trừ 1,0 điểm.</p>
1.2	<i>Triển khai đào tạo kịp thời, đúng kế hoạch năm học, khóa học, đảm bảo đúng tiến độ.</i>	5,0	<p>- MC : Sổ theo dõi giảng dạy, học tập của khóa học. Kế hoạch bảo vệ luận văn, luận án ; danh sách học viên, NCS theo khóa tuyển đã bảo vệ trong năm đúng thời gian đào tạo ; danh sách chưa bảo vệ.</p> <p>- PPĐG : Mỗi NCS không bảo vệ đúng hạn mà không có lí do chính đáng trừ 1,0đ (NCS được coi bảo vệ đúng hạn nếu thời điểm kiểm tra đã bảo vệ cấp cơ sở). Mỗi NCS bị trả về cơ quan công tác trong diện được phép quay trở lại bảo vệ luận án trừ 1,0đ. Nếu từ 2% -5% số học viên thạc sĩ của khoá học</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			không bảo vệ đúng hạn trừ 1,0đ ; Nếu từ $\geq 5\%$ -10% số học viên thạc sĩ của khoá học không bảo vệ đúng hạn trừ 2,0 đ ; Nếu $> 10\%$ số học viên thạc sĩ của khoá học không bảo vệ đúng hạn trừ 3,0đ. (Ghi chú : <u>Đúng hạn được hiểu là từ khi có QĐ công nhận học viên đến khi có QĐ thành lập HĐ chấm luận văn thạc sĩ</u>).
2	Tổ chức quản lý đào tạo.	6,0	
2.1	<i>Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản hướng dẫn về quản lý, thực hiện quá trình giáo dục, đào tạo trong đào tạo SDH trên cơ sở Quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của DHTN; Ban hành các văn bản, hoặc tổ chức triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời đối với việc thực hiện các hoạt động cụ thể trong quá trình thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo. Tổ chức, quản lý, chỉ đạo công tác đào tạo SDH đúng quy chế</i>	3,0	- MC : Các QĐ ban hành văn bản quy định về quản lý, hướng dẫn công tác đào tạo SDH. Một số văn bản chỉ đạo cụ thể. Văn bản hướng dẫn quản lý, giảng dạy..., học tập; biên bản kiểm tra việc thực hiện quy chế của trường đối với bộ môn, giảng viên ; QĐ giới thiệu NCS về bộ môn/khoa, biên bản các seminar, sinh hoạt khoa học, theo dõi thực hành, thực tập... ; biên bản hội nghị, hội thảo của trường, đơn vị trong trường về đổi mới phương pháp, chương trình đào tạo, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. - PPĐG : Không có minh chứng 0 điểm. Hệ thống văn bản đầy đủ, phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của CSGD Đại học thành viên được điểm tối đa ; thiếu văn bản, hoặc nội dung văn bản không cập nhật theo sự đổi mới của Bộ Giáo dục Đào tạo, tùy theo mức độ sẽ bị trừ từ 1/3 đến 1/2 số điểm quy định.
2.2	<i>Tổ chức bảo vệ, xét công nhận tốt nghiệp đúng thủ tục, quy trình, phạm vi thời gian quy định. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nhận phôi bằng theo quy định ; Có đầy đủ hồ sơ, sổ sách và thực hiện đúng thủ tục cấp phát văn bằng, bản sao. Cấp phát văn bằng đúng thời hạn quy định.</i>	3,0	- MC : Hồ sơ, biên bản xét công nhận tốt nghiệp ; sổ cấp phát văn bằng, bản sao. - PPĐG : Mỗi vi phạm hoặc một hoạt động thực hiện chưa tốt, chưa đầy đủ trừ 1,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
3	Xây dựng quy trình quản lý và tổ chức đào tạo sau đại học gắn với đề án vị trí việc làm.	10,0	<p>- MC: + Văn bản phê duyệt quy trình quản lý và tổ chức đào tạo (quy trình xét và đánh giá luận văn thạc sĩ; quy trình đánh giá luận án cấp Cơ sở, cấp Trường; quy trình phân công người hướng dẫn và giao đề tài luận văn/luận án; quy trình thực hành, thực tập; quy trình xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp,...) + Các văn bản kèm theo quy trình (Quyết định, công văn, thông báo, tờ trình, biểu mẫu,..)</p> <p>-PPĐG: Đủ quy trình xây dựng được phê duyệt và đưa vào vận hành 10,0 điểm (Ban hành quyết định; công khai trên web, có các văn bản đính kèm theo quy mỗi quy trình). Thiếu 01 quy trình trừ 2,0 điểm.</p>
4	Trình độ, chất lượng của đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo	10,0	
4.1	<i>Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhiệm được $\geq 80\%$ khối lượng chương trình đào tạo các chuyên ngành.</i>	4,0	<p>- MC : Kế hoạch đào tạo kèm danh sách GV giảng dạy học phần ; Số HV, NCS được GV cơ hữu hướng dẫn, tham gia hướng dẫn/tổng số người học của khóa đối với mỗi chuyên ngành ; Danh sách GV mời giảng/hướng dẫn của từng chuyên ngành.</p> <p>- PPĐG : Cứ mỗi 5% khối lượng chương trình dạy của giảng viên cơ hữu theo quy định không đảm nhiệm được bị trừ 1,0 điểm.</p>
4.2	<i>Có môn học/chuyên đề được giảng bằng tiếng nước ngoài (môn không phải ngoại ngữ) ; hoặc các môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc được giảng bằng ngôn ngữ thứ khác và ngược lại.</i>	3,0	<p>- MC: Chương trình đào tạo; Kế hoạch giảng dạy; Phân công giảng viên; Thời khóa biểu được Nhà trường (hoặc phòng Đào tạo) phê duyệt triển khai (giảng dạy toàn bộ hoặc một số chương của môn học/học phần).</p> <p>- PPĐG : Có 01 môn học hoặc 1 chuyên đề được giảng bằng tiếng</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			nước ngoài được 3,0 điểm (ban hành văn bản và lập kế hoạch: 30% điểm; Triển khai và có kết quả: 70%)
4.3	<i>Có giảng viên của trường đại học nước ngoài tham gia đào tạo</i>	3,0	- MC : Kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và tên giảng viên, hợp đồng giảng dạy (được phê duyệt). - PPĐG : Có 01 học phần/01 luận văn/01 luận án do GV nước ngoài tham gia giảng dạy/hướng dẫn được 3,0 điểm (có văn bản và kế hoạch: 30% điểm; Triển khai và có kết quả: 70%).
5	Thư viện nhà trường có đủ giáo trình (GT) chính/đề cương bài giảng chi tiết đã được bộ môn thông qua cho tất cả môn học/học phần (HP) của các chuyên ngành đào tạo sau đại học. Có thư viện điện tử nối mạng phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên và NCS.	3,0	- MC : Văn bản cam kết của đơn vị về các môn đủ GT ; Danh sách môn học/HP kèm theo GT chính/đề cương bài giảng của môn học/HP có xác nhận của lãnh đạo nhà trường. - PPĐG : + Mỗi môn học/HP không có GT/đề cương bài giảng bị trừ 1,0 điểm. + Thư viện không được nối mạng với thư viện của cơ sở đào tạo khác trừ 1,5 điểm.
6	Điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra (CĐR) và chương trình đào tạo (CTĐT): Có rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT theo yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục (đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội, đảm bảo tính liên thông, định kỳ chỉnh sửa, bổ sung, có tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng trong nước và chương trình tiên tiến quốc tế). Thực hiện quy chế công khai về công tác đào tạo	8,0	- MC : + Quyết định thành lập hội đồng điều chỉnh, cập nhật CĐR và CTĐT; quy trình xây dựng CĐR và CTĐT; căn cứ để xây dựng CTĐT (CĐR, các CTĐT tham khảo trong và ngoài nước); đóng góp của các cơ quan, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, cựu sinh viên đối với việc xây dựng CTĐT; + Minh chứng khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan; Biên bản về chỉnh sửa, bổ sung CĐR, CTĐT. + Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu CĐR và CTĐT; + Bảng đối sánh CTĐT của nhà trường và về cấu trúc, khối

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
			<p>lượng các học phần với CDR; + Các CTĐT tham khảo (của ít nhất 02 cơ sở đào tạo trong và ngoài nước); + CDR và CTĐT được nhà trường phê duyệt. + Các văn bản liên quan, Website của cơ sở đào tạo.</p> <p>- PPDG:</p> <p>+ Các CTĐT được thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra, đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CDR được rõ ràng; + Có tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng trong nước và chương trình tiên tiến quốc tế trong việc xây dựng CTĐT; + Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT; + CTĐT được điều chỉnh có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan. + Thực hiện đầy đủ các nội dung công khai quy định đối với công tác đào tạo SDH. + Mỗi CTĐT được điều chỉnh, cập nhật được 2,0 điểm.</p>
7	Tất cả các chuyên ngành đào tạo sau đại học đều có người tham gia dự tuyển trong năm	5,0	<p>- MC : Danh sách NCS dự tuyển; Danh sách HV thạc sĩ các chuyên ngành của năm học đánh giá thi đua. - PPDG : Trừ 2,5 điểm/chuyên ngành (kể cả ngành thạc sĩ và tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú) không có người dự tuyển.</p>
8	Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho địa phương và quốc tế	10,0	
8.1.	<i>Thực hiện việc hợp tác đào tạo nguồn nhân lực có</i>	3,0	- MC : Văn bản thỏa thuận, phối hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<i>trình độ cao cho địa phương</i>		quan, tổ chức về hợp tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao; Văn bản đề nghị của địa phương và Đề án trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo thạc sĩ ứng dụng. - PPĐG : Có 01 văn bản đề nghị của UBND tỉnh đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng cho địa phương được 3,0 điểm. (Có Hợp đồng ký kết: 40% điểm; Triển khai có kết quả: 60% điểm)
8.2	<i>Thu hút được lưu học sinh (LHS) đến học sau đại học</i>	7,0	- MC : Danh sách kèm theo Quyết định tiếp nhận LHS của Giám đốc ĐHTN. Văn bản tiếp nhận lưu học sinh của Nhà trường. - PPĐG : Có 01 lưu học sinh (LHS) nhập học thạc sĩ, Tiến sĩ trong năm học được 1,0 điểm ; Có 1 thực tập sinh nước ngoài từ 3 tháng trở lên được 0,5 điểm ; từ 5 thực tập sinh trở lên được điểm tối đa. (Chỉ tính điểm một lần vào năm LHS nhập học).
8	Có giải pháp tích cực hạn chế các hiện tượng gian lận trong học tập, thi, kiểm tra sao chép bài tập lớn, tiểu luận, luận văn, luận án.	5,0	- MC : Văn bản, quy định của đơn vị về ngăn ngừa, xử lý các hiện tượng gian lận... - PPĐG : Mỗi trường hợp sao chép, gian lận trong làm luận văn, luận án... bị trừ 2,5 điểm ; mỗi trường hợp gian lận trong học tập, thi cử bị phát hiện, tố cáo nhưng không có biện pháp, giải quyết kịp thời, thỏa đáng bị trừ 2,5 điểm.
9	Không có hoặc chưa giải quyết kịp thời, dứt điểm các thắc mắc, khiếu nại, tố cáo của giảng viên, học viên, NCS.	5,0	- MC : Các văn bản giải quyết, hồ sơ liên quan đến khiếu nại, tố cáo - PPĐG : Mỗi khiếu nại, tố cáo, thắc mắc không được giải quyết kịp thời và dứt điểm ; để khiếu kiện kéo dài trừ 2,0 điểm; Có khiếu nại, tố cáo nhưng không giải quyết bị trừ 5,0 điểm.
10	Rà soát, bổ sung đảm bảo đáp ứng các điều kiện chất lượng theo Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT		- MC : + Ban hành văn bản phân nhóm giảng viên cơ hữu theo ngành

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<p>ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/ chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/ chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).</p>	10,0	<p>(thạc sĩ, tiến sĩ). Kế hoạch và giải pháp khắc phục về điều kiện số lượng giảng viên cơ hữu. Theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT, mỗi mã ngành có ít nhất 05 giảng viên cơ hữu có chức danh GS, PGS, có bằng TS, TSKH ngành đúng hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo và không trùng với danh sách giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác; trong đó có ít nhất 01 GS hoặc PGS đúng ngành.</p> <p>+ Tập đề án của ngành đào tạo đã được rà soát, bổ sung; Thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt.</p> <p>- PPĐG:</p> <p>+ Văn bản báo cáo phân nhóm giảng viên cơ hữu theo ngành (có báo cáo phân nhóm giảng viên cơ hữu, nhưng không nhất thiết phải đáp ứng ngay theo quy định của Thông tư 09/2017): 4,0 điểm.</p> <p>+ Mỗi ngành đào tạo trình độ sau đại học đang triển khai thực hiện tại cơ sở đào tạo được rà soát, bổ sung đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư 09/2017 được 2,0 điểm.</p>

Tiêu chuẩn 3
CÔNG TÁC KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Tổng điểm: 200 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
I.	Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	130	
1.	Có mô tả công việc, phân công nhiệm vụ cán bộ KT&ĐBCLGD; có cán bộ đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, được cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc quốc tế.	10,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả công việc/phân công nhiệm vụ của các cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD. - Các giấy chứng nhận, chứng chỉ "đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp". - Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục trong nước cấp. - Các chứng nhận, chứng chỉ, thẻ kiểm định viên do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế cấp. <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Các minh chứng trên phải còn thời hạn sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản mô tả công việc/phân công nhiệm vụ của các cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD (2,0 điểm). - Các giấy chứng nhận, chứng chỉ "đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp" (2,0 điểm). - Thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục trong nước cấp (2,0 điểm). Có từ 2 cán bộ có thẻ kiểm định viên trở lên được tính 4đ. - Các chứng nhận, chứng chỉ, thẻ kiểm định viên do các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế cấp (2,0 điểm).

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
2.	<p>Có kế hoạch phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong (bao gồm chủ trương, chính sách, các công cụ đánh giá, cơ chế kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động cải thiện, nâng cao chất lượng giáo dục), từng bước hình thành văn hóa chất lượng giáo dục trong nhà trường; kế hoạch cải thiện chất lượng theo các kiến nghị của đoàn đánh giá ngoài, đánh giá đồng cấp, kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá SVTN theo chuẩn đầu ra.</p>	10,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch ngắn hạn (kế hoạch năm học), trung hạn (dưới 5 năm), dài hạn (từ 5 năm trở lên) cho hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng của Nhà trường và được phê duyệt; - Kế hoạch xây dựng các quy trình và sử dụng các công cụ đánh giá nhằm ĐBCLGD trong Nhà trường; - Biên bản về các cuộc họp, hội nghị, hội thảo về phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, về văn hóa chất lượng giáo dục trong Nhà trường; - Kế hoạch phát triển đội ngũ làm công tác ĐBCLGD (cử cán bộ, giảng viên đi dự các lớp đào tạo, tập huấn, hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn); - Kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá đồng cấp, đánh giá ngoài. - Kế hoạch cải thiện sau đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra. <p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch ĐBCL dài hạn được phê duyệt (2điểm) - Kế hoạch ngắn hạn, trung hạn được phê duyệt (2điểm) - Kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá ngoài, đồng cấp (2điểm) - Kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá SVTN theo CDR (2điểm) - Các kế hoạch gắn với mục tiêu chiến lược (2điểm).
3.	<p>Các hoạt động đảm bảo chất lượng, cải thiện chất lượng giáo dục trong đơn vị được triển khai theo đúng kế hoạch đã đề ra.</p>	20,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biên bản, báo cáo về hoạt động cải thiện chất lượng theo các kế hoạch đã nêu ở mục 2; - Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá chất lượng hoạt động dạy và học.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết năm học, sơ kết, tổng kết các kế hoạch dài hạn trung hạn và ngắn hạn. - Phiếu khảo sát, thống kê kết quả, các văn bản triển khai kế hoạch cải thiện chất lượng sau đánh giá. - Biên bản rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trên cơ sở các kết quả điều tra, khảo sát. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ điểm theo % thực hiện kế hoạch, cứ 10% tương đương 2,0 điểm - Thực hiện chậm (không có lý do): trừ 5,0 điểm.
4.	Đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra; thu thập thông tin phản hồi về chất lượng dạy và học, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên mới tốt nghiệp.	20,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy định về việc xây dựng, đánh giá và ban hành chuẩn đầu ra; văn bản chuẩn đầu ra đã ban hành; - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra; - Biên bản đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra; - Kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng dạy và học; - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp; - Các báo cáo sau khi thu thập thông tin và kế hoạch cải tiến chất lượng tương ứng. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng, với mỗi hoạt động để đạt mức điểm tối đa cần đáp ứng về số lượng khảo sát theo yêu cầu của tiêu chuẩn KĐCL và của ĐHTN, có làm nhưng không đầy đủ bị trừ theo % còn thiếu theo yêu cầu (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp: 5,0 điểm. - Thu thập thông tin phản hồi về chất lượng dạy và học (khảo sát SV cuối khoá, hết môn): 5,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (trong vòng 12 tháng): 5,0 điểm. - Khảo sát nhà tuyển dụng (nơi làm việc của sinh viên tốt nghiệp dưới 12 tháng): 5,0 điểm.
5.	Sử dụng hiệu quả phần mềm khảo sát trực tuyến và lưu trữ hồ sơ minh chứng online.	5,0	<p>MC: Quan sát trực tiếp, các văn bản hướng dẫn sử dụng phần mềm, báo cáo kết quả khảo sát; tập hợp hồ sơ minh chứng.</p> <p>PPĐG: Sử dụng phần mềm khảo sát trực tuyến hiệu quả 2,5đ Sử dụng phần mềm lưu trữ hồ sơ minh chứng hiệu quả 2,5đ</p>
6.	Tham gia đầy đủ, đúng thời hạn và có hiệu quả các các hoạt động chuyên môn về công tác ĐBCLGD do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức.	4,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công văn cử cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức; - Biên bản triển khai các nội dung sau khi cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức. <p>PPĐG: 01 cán bộ không tham gia 1 hội nghị, hội thảo, tập huấn bị trừ 2,0 điểm.</p>
7.	Có bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho công tác khảo thí, đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục; có báo cáo về kết quả thực hiện.	3,0	<p>MC:- Dự trù kinh phí được phê duyệt cho công tác đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục hàng năm như kinh phí cho đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ, kinh phí triển khai tự đánh giá cấp Nhà trường, cấp chương trình, đánh giá hoạt động dạy và học, xử lý kết quả khảo sát và phỏng vấn; Đánh giá ngoài; Tổ chức seminar.v.v.</p> <p>- Dự trù kinh phí đã được phê duyệt cho các hoạt động cải tiến chất lượng theo yêu cầu của đoàn đánh giá ngoài, đánh giá đồng cấp, cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý;</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch triển khai cụ thể cho kinh phí được cấp; - Có báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả đạt được; - Báo cáo về kết quả thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục như công tác tự đánh giá, ba công khai, chuẩn đầu ra .v.v. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p>
8.	Đánh giá đồng cấp và Kiểm định chất lượng	50,0	
8.1	Cơ sở giáo dục được công nhận kiểm định bởi Tổ chức KĐCLGD	10,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng nhà trường còn thời hạn. - Kế hoạch, các biên bản trong hoạt động đánh giá đồng cấp hoặc, đánh giá chương trình đào tạo.
8.2	Triển khai đánh giá ít nhất 02 CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT hoặc ĐHTN	10,0	<ul style="list-style-type: none"> - Dự toán kinh phí cho các hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục và đánh giá chương trình đào tạo.
8.3	Có ít nhất 02 chương trình đào tạo được ĐHTN đánh giá đồng cấp.	10,0	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận, khuyến cáo, đánh giá tổng kết của tổ chức kiểm định về cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p>
8.4	Có chương trình đào tạo được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín trong nước.	10,0	<ul style="list-style-type: none"> - Minh chứng về kiểm định cơ sở giáo dục chưa vượt quá chu kỳ kiểm định tương ứng. - Các mục 8.2, 8.3 chỉ tính trong năm học đánh giá thi đua.
8.5	Có chương trình đào tạo tự đánh giá theo tiêu chuẩn khu vực hoặc quốc tế.	10,0	<ul style="list-style-type: none"> - Mục 8.2, mỗi CTĐT được đánh giá đồng cấp được 5đ, - Mục 8.5: Tổ chức Hội đồng và triển khai viết báo cáo tự đánh giá được 5đ, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá được 10 điểm.
9.	Các điều kiện ĐBCLGD, thông tin về hoạt động ĐBCLGD và kết quả đạt được của công tác ĐBCLGD được đăng tải và cập nhật trên	8,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ website của Nhà trường. - Các báo cáo chính trị đầu năm; Thực hiện “Ba công khai” theo

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	website của đơn vị.		<p>quy chế của Bộ GD&ĐT; hội nghị tổng kết công tác đảm bảo chất lượng, hội nghị đào tạo, khoa học, hội nghị công nhân viên chức, hội nghị học sinh sinh viên, hoạt động đánh giá sinh viên tốt nghiệp, đánh giá Nhà trường, đánh giá chương trình đào tạo...được cập nhật trên website của đơn vị.</p> <p>PPĐG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đăng tải thông tin bị trừ 8,0 điểm; - Đăng tải nhưng không cập nhật thông tin trừ 5,0 điểm.
II	Công tác Khảo thí	70,0	
1.	Có kế hoạch cụ thể, chi tiết về công tác khảo thí (bao gồm kế hoạch thi; kiểm tra đánh giá; xây dựng, rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khảo thí, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)	10,0	<p>MC: Các văn bản, báo cáo và kế hoạch triển khai của đơn vị về công tác khảo thí.</p> <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kế hoạch chi tiết về kế hoạch thi trừ 2,0 điểm. - Không có kế hoạch chi tiết về công tác kiểm tra đánh giá trừ 2,0 điểm. - Không có kế hoạch chi tiết về công tác xây dựng, rà soát, bổ sung ngân hàng câu hỏi trừ 2,0 điểm. - Không có kế hoạch chi tiết về công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khảo thí trừ 2,0 điểm. - Không có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về công tác khảo thí trừ 2,0 điểm.
2.	Các hoạt động khảo thí được triển khai hiệu quả theo đúng kế hoạch đã đề ra.	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên về công tác khảo thí. - Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học, các kế hoạch dài hạn trung hạn và ngắn hạn. - Các biên bản của hoạt động khảo thí.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và kết quả thực hiện được công khai trên website. PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*). - Không có báo cáo sơ kết, tổng kết trừ 2,0 điểm. - Không có báo cáo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên về công tác khảo thí trừ 2,0 điểm. - Không có kế hoạch và kết quả thực hiện được công khai trên website trừ 1,0 điểm.
3.	Có các qui trình xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi.	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản qui định về công tác xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi. - Các quyết định thành lập hội đồng xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi. - Các biên bản thẩm định. <p>PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có các văn bản qui định về công tác xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi trừ 2,0 điểm. - Không có các quyết định thành lập hội đồng xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi trừ 1,0 điểm. - Không có biên bản thẩm định xây dựng, rà soát ngân hàng đề thi câu hỏi thi trừ 2,0 điểm.
4.	Có đủ ngân hàng đề thi, câu hỏi thi cho tất cả các học phần và được định kỳ rà soát, bổ sung, đảm bảo số lượng câu hỏi thi và đề thi theo đúng quy định của ĐHTN và nhà trường.	5,0	<p>MC: Các văn bản, báo cáo và kế hoạch triển khai, báo cáo tổng kết, thông kê số lượng đề thi, câu hỏi thi được rà soát, bổ sung trên tổng số đề thi, câu hỏi thi, đánh giá hiệu quả hoạt động, biên bản nghiệm thu, v.v.</p> <p>PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi học phần thiếu ngân hàng đề thi, câu hỏi thi trừ 1,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
5.	100% học phần/môn học có đề cương quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, bảo đảm tính đa dạng trong đánh giá; đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học theo quá trình học tập (đánh giá ban đầu, trong quá trình và cuối khóa học/chương trình học); có yêu cầu rõ về các hình thức kiểm tra đánh giá như: viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, luận văn, trắc nghiệm khách quan...); tỷ trọng điểm và phù hợp theo quy định;	5,0	<p>MC: Văn bản quy định/hướng dẫn về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của nhà trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề cương chi tiết các môn học/học phần; các đề thi, bài tập nhóm, tiểu luận, bài tập lớn,... tương ứng; các kết quả điểm của người học tương ứng với từng môn học/học phần. - Báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường. <p>PPDG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu văn bản quy định/hướng dẫn về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của nhà trường trừ 1,0 điểm. - Thiếu Đề cương chi tiết mỗi môn học/học phần trừ 1,0 điểm. - Thiếu Báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường trừ 1,0 điểm.
6.	Tổ chức thực hiện công tác tổ chức thi, chấm thi đúng quy chế, an toàn, chính xác, đảm bảo tính khách quan, công bằng.	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo của đơn vị; Các biên bản thanh tra chấm thi. - Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên về công tác khảo thí. <p>PPDG: Mỗi sai sót, vi phạm quy định bị trừ 2,5 điểm.</p>
7.	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác khảo thí đầy đủ, đúng hạn, nghiêm túc, không sai sót.	5,0	<p>MC: Các văn bản báo cáo của đơn vị và thời gian nộp báo cáo</p> <p>PPDG: Mỗi báo cáo chậm bị trừ 1,0 điểm; Không nộp 1 báo cáo bị trừ 2.5 điểm.</p>
8.	Tổ chức thực hiện công tác phúc tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo chính xác, khách quan, đúng quy định trong thi, kiểm tra.	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các biên bản chấm phúc khảo; Văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có). - Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên về công tác khảo thí. <p>PPDG: Mỗi sai sót hoặc vi phạm quy định về phúc tra, giải quyết khiếu nại công tác kiểm tra, đánh giá bị trừ 2,5 điểm.</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			- Nếu không có trường hợp nào đề nghị phúc tra hoặc khiếu nại thì đạt 5,0 điểm.
9.	Công khai, tuyên truyền các hình thức kiểm tra, đánh giá cho người học.	5,0	MC: Kế hoạch và văn bản triển khai tới người học tuyên truyền về các hình thức kiểm tra, đánh giá và quy trình phúc khảo tới người học. PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*) và hiệu quả tư vấn, hỗ trợ. - Thiếu văn bản triển khai trừ 3,0 điểm. - Thiếu hình thức tuyên truyền trừ 2,0 điểm.
10.	Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc về thông tin tuyển sinh; tổ chức tuyển sinh đúng quy chế.	5,0	MC: Quyết định hoặc văn bản thành lập bộ phận/tổ chức tư vấn tuyển sinh; Nội dung, kế hoạch tuyển sinh và hoạt động tư vấn tuyển sinh. Báo cáo kết quả tuyển sinh. PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*) và hiệu quả tư vấn, hỗ trợ. - Thiếu Quyết định thành lập tổ tư vấn, hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc về thông tin tuyển sinh trừ 2,0 điểm. - Tổ chức tuyển sinh không đúng qui chế cho tất cả các hệ trừ 3,0 điểm.
11.	Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả của người học	5,0	MC: Các văn bản qui định với từng hình thức kiểm tra, đánh giá đối với các học phần trong từng học kỳ hoặc từng năm. PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*) và hiệu quả trong công tác kiểm tra, đánh giá. - Thiếu văn bản qui định với từng hình thức kiểm tra, đánh giá đối với các học phần trong từng học kỳ hoặc từng năm trừ 5,0 điểm.
12.	Có ít nhất 75% số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy	5,0	MC: Phiếu khảo sát, báo cáo về ý kiến phản hồi. PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*) - Không đạt 75% số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
	trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố; trường hợp có khiếu nại, được giải quyết thỏa đáng.		tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố trừ 4,0 điểm; - Còn tồn tại trường hợp có khiếu nại, chưa được giải quyết trừ 1,0 điểm.
13.	Áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực khảo thí	5,0	MC: - Phần mềm quản lý đầu phách, quản lý điểm. - Phần mềm trộn đề thi tự luận, trắc nghiệm. PPDG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng (*) - Không có phần mềm quản lý điểm trừ 2,0 điểm. - Không có phần mềm quản lý đầu phách trừ 1,0 điểm. - Không có phần mềm trộn đề thi tự luận trừ 1,0 điểm. - Không có phần mềm trộn đề thi trắc nghiệm trừ 1,0 điểm.

Tiêu chuẩn 4
CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
Tổng điểm: 200 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.	Bổ sung, điều chỉnh kịp thời Quy chế, qui định hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong đơn vị.	2,0	- MC: + Qui định về hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) của đơn vị (cụ thể hóa qui định ĐHTN). + Qui định về hoạt động KHCN cấp cơ sở và tương đương. + Biên bản bổ sung, chỉnh sửa qui định hàng năm (nếu có). - PPĐG: Có một loại văn bản quy định và sửa đổi hàng năm được 1,0 điểm
2.	Có kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm theo kế hoạch chiến lược KHCN dài hạn và trung hạn, có báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch công tác KHCN & MT trong năm học	3,0	- MC: + Kế hoạch hoạt động KHCN trong năm được lãnh đạo đơn vị phê duyệt; + Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch Khoa học Công nghệ năm trước. - PPĐG: Có KH hoạt động KHCN hàng năm 1,0 điểm Có báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động KHCN hàng năm 2,0 điểm; không có trừ điểm
3.	Có 100% giảng viên cơ hữu (kể cả GV hợp đồng) có đủ khối lượng hoạt động khoa học và công nghệ trong năm học	20,0	- MC: Danh sách thông kê số giờ chuẩn NCKH của GV trong năm học. - PPĐG: Trừ 0,25 điểm/1% giảng viên không hoàn thành khối lượng NCKH.
4.	Có đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, Bộ, ngành, địa phương trong năm học	20,0	- MC: Thuyết minh đề tài KHCN các cấp được phê duyệt trong năm học.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			- PPĐG: 3,0 điểm/1 đề tài cấp Nhà nước; 2,0 điểm/1 đề tài cấp Bộ, Tỉnh; 1,5 điểm/1 đề tài cấp đại học. + <i>Đối với các khoa trực thuộc số điểm được nhân 2.</i> + <i>Đối với trường Cao đẳng KTKT số điểm được nhân 3.</i>
5.	Gắn kết có hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo sau đại học trong năm học.	15,0	- MC: Danh sách các đề tài được phê duyệt trong năm học có sản phẩm gắn với đào tạo sau đại học. - PPĐG: 2,0 điểm/1 đề tài cấp Đại học trở lên có đào tạo TS; 1,0 điểm/1 đề tài cấp Đại học trở lên có đào tạo ThS. <i>(Điểm này không tính với đơn vị không được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học).</i>
6.	Có hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, các địa phương, doanh nghiệp ở trong và ngoài nước, ứng dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong năm học.	25,0	- MC: Hợp đồng hợp tác NCKH, CGCN ký kết với các địa phương, doanh nghiệp trong năm học. - PPĐG: 5,0 điểm/1 hợp đồng hợp tác nghiên cứu hoặc hợp đồng chuyển giao.
7.	Thực hiện nghiệm thu đúng tiến độ các đề tài, nhiệm vụ KHCN trong năm học.	8,0	- MC: Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu chính thức, Biên bản họp HĐ nghiệm thu chính thức - PPĐG: 01 đề tài quá hạn bị trừ 2,0 điểm. <i>(Không tính điểm đối với đơn vị không có đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên được nghiệm thu)</i>
8.	Công bố khoa học trên các tạp chí, hội nghị khoa học trong và ngoài nước trong năm học; khuyến khích đăng bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế.	65,0	- MC: Bài báo khoa học được liệt kê trong bộ cơ sở dữ liệu các bài báo khoa học của ĐHTN. - PPĐG: 2,0 điểm/1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế SCI và SCIE, A&HCI, SSCI; 1,5 điểm/1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI; 0,5 điểm/1 bài báo quốc tế khác; 0,5

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
			điểm/1 bài báo đăng trên tạp chí trong nước (được Hội đồng chức danh GSNN tính điểm).
		5,0	Đối với đơn vị có tổng điểm bài báo quốc tế ≥ 30 điểm.
9.	Có chứng nhận đăng ký văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc có sản phẩm KHCN được thương mại hóa mang thương hiệu Đại học trong năm học.	15,0	- MC: Chứng nhận sở hữu trí tuệ của cấp có thẩm quyền/Nhãn mác thương mại đã đăng ký của sản phẩm được thương mại hóa. - PPDG: 15,0 điểm/01 chứng nhận sở hữu trí tuệ/hoặc 01 sản phẩm được thương mại hóa (Thông qua nhãn mác đã đăng ký sở hữu thương mại ghi rõ xuất xứ của sản phẩm thuộc đề tài các cấp do ĐHTN quản lý).
10.	Trích đủ tỷ lệ kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị (Theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ).	20,0	- MC: Quyết định của hiệu trưởng về việc chi kinh phí cho các hoạt động KHCN của đơn vị. - PPDG: + Sử dụng đủ 5% kinh phí hợp pháp cho hoạt động Khoa học công nghệ: 13 điểm. + Sử dụng 3% kinh phí từ học phí dành cho Nghiên cứu khoa học của người học: 07 điểm. + Điểm trừ: Mỗi 0,5% dưới mức quy định thì trừ 01 điểm.
11.	Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp về KHCN do cấp trên triệu tập, nộp các văn bản báo cáo đúng thời hạn theo yêu cầu.	2,0	- MC: Sổ sách theo dõi của đơn vị và số liệu theo dõi của cơ quan quản lý cấp trên. - PPDG: Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp được 3,0 điểm. Vắng mặt 01 cuộc họp không lý do trừ 1,5 điểm. Tham gia thiếu thành phần 01 cuộc họp trừ 0,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5
CÔNG TÁC CÁN BỘ
Tổng điểm: 50 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1	Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị là tập thể đoàn kết.	5,0	<p>- MC: Quyết định công nhận tổ chức Đảng đạt tiêu chuẩn “Trong sạch vững mạnh” của cấp có thẩm quyền. Đơn vị đạt “Tập thể lao động xuất sắc” của cấp có thẩm quyền.</p> <p>- PPDG: Đảng bộ đơn vị đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” được 2,5 điểm; Đơn vị đạt "Tập thể lao động xuất sắc" được 2,5 đ.</p>
2	<p>- Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ viên chức và người lao động về công tác tổ chức cán bộ. Trong năm học, không có cán bộ viên chức và người lao động vi phạm Quy định về đạo đức (đạo đức nhà giáo, các quy định khác của Nhà nước).</p> <p>- Báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp đầy đủ, đúng hạn về công tác tổ chức cán bộ; công tác phát triển đội ngũ.</p>	5,0	<p>- MC: Các văn bản triển khai thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ của đơn vị. Báo cáo đánh giá của đơn vị về việc chấp hành kỷ luật cán bộ viên chức và người lao động, giữ gìn phẩm chất đạo đức. Các văn bản liên quan tới việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tổ chức cán bộ</p> <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng các minh chứng .</p> <p>+ Có 1 đơn, thư khiếu nại không giải quyết kịp thời bị trừ 1,5 đ;</p> <p>+ 1 đơn thư không được xem xét, giải quyết bị trừ 1.5 điểm.</p> <p>- MC: + Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ trước ngày 30/6 hàng năm (**); Số CBVC của đơn vị nhập dữ liệu trong phần mềm quản lý nhân sự.</p> <p>+ Báo cáo về công tác phát triển đội ngũ theo quy định. Cán bộ được cử đi học cao học, NCS; cán bộ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, được phong hàm GS, PGS và được phong danh hiệu NGƯT, NGND trong năm học... bộ được cử đi học cao học, NCS; cán bộ bảo vệ thành công luận văn</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
			PPDG: Nộp chậm 1 báo cáo bị trừ 0,5 điểm; không nộp 1 báo cáo bị trừ 1,0 điểm; có 01 CBVC không kê khai dữ liệu cá nhân trong phần mềm quản lý nhân sự bị trừ 1 điểm; kê khai không đầy đủ bị trừ 0,5 điểm.
4	<p>- Xây dựng, ban hành và thực hiện đúng quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị (quy chế tổ chức và hoạt động của trường, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường...)</p> <p>- Xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển tổ chức bộ máy hằng năm, trung hạn và dài hạn và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hàng năm.</p>	5,0	<p>- MC: Các văn bản quy định về tổ chức hoạt động của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết quả thực hiện quy định này.</p> <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <p>- MC: Kế hoạch và các văn bản về phát triển tổ chức bộ máy dài hạn (10 năm), trung hạn (5 năm) và ngắn hạn (hàng năm) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*)</p>
5	Xây dựng, rà soát Đề án vị trí việc làm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	20,0	<p>- MC: Đề án vị trí việc làm của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Nộp muộn Đề án hoặc các văn bản điều chỉnh, bổ sung về vị trí việc làm trừ 5,0 điểm. Không nộp Đề án hoặc các văn bản điều chỉnh, bổ sung về vị trí việc làm trừ 10 điểm.</p>
6	Xây dựng và ban hành quy định về công tác tuyển dụng cán bộ, viên chức, người lao động và thực hiện tuyển dụng cán bộ, viên chức, người lao động đúng quy định hiện hành. Báo cáo số lượng cán bộ viên chức thôi việc và cắt hợp đồng lao động.	5,0	<p>- MC: Xây dựng kế hoạch về tuyển dụng cán bộ, viên chức và người lao động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; XD tiêu chuẩn, tuyển dụng, quy trình tuyển dụng và các văn bản về tuyển dụng; BC kết quả thực hiện công tác tuyển dụng cán bộ, viên chức và người lao động cho đơn vị cấp trên (theo mẫu).</p> <p>- PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Có vi phạm quy định về tuyển dụng cán bộ, viên chức bị trừ 5,0 đ.</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
8	Thực hiện quy hoạch cán bộ, hằng năm rà soát quy hoạch cán bộ, thực hiện việc bổ nhiệm theo thẩm quyền cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp phó trưởng bộ môn và tương đương trở lên theo đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục.	5,0	<p>- MC: Các nghị quyết, văn bản của cấp ủy đảng và chính quyền chỉ đạo triển khai công tác quy hoạch cán bộ; Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ của đơn vị. Hướng dẫn Quy trình quy hoạch cán bộ; Danh sách cán bộ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Các nghị quyết, văn bản của cấp ủy đảng và chính quyền chỉ đạo công tác bổ nhiệm cán bộ; Hướng dẫn Quy trình bổ nhiệm; Hồ sơ bổ nhiệm theo đúng quy định.</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Có vi phạm trong việc thực hiện quy trình, tiêu chuẩn quy hoạch hoặc bổ nhiệm cán bộ bị trừ 5,0 điểm.</p>
9	<p>- Xây dựng, ban hành quy định và thực hiện tốt chế độ chính sách về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động; đặc biệt là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.</p> <p>- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách: nâng bậc lương, phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.</p>	5,0	<p>- MC: Có các văn bản, quy định của đơn vị về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động của đơn vị.</p> <p>- PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). Giải quyết chậm chế độ cho cán bộ, viên chức và người lao động về công tác đào tạo, bồi dưỡng bị trừ 1,0 điểm/1 người.</p> <p>- MC: Các văn bản, quyết định, quy định cụ thể của đơn vị về việc thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động và báo cáo kết quả thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động hàng năm.</p> <p>PPĐG: + Thực hiện không đầy đủ hoặc không kịp thời chế độ cho 1 cán bộ viên chức và người lao động bị trừ 1,0 đ; + Làm sai chế độ, chính sách làm thiệt hại cho 1 cán bộ viên chức và người lao động bị trừ 2,5 điểm.</p>

(**): Theo Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009.

Tiêu chuẩn 6
CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ
Tổng điểm: 100 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
I	Quản lý nhà nước về Hợp tác quốc tế	18,0	
1	Có các văn bản quy định về hoạt động HTQT; cụ thể hóa các quy định của ĐHTN phù hợp với đơn vị.	3,0	- MC: Các văn bản quy định quản lý hoạt động HTQT, quy trình quản lý đoàn vào, đoàn ra, thực hiện dự án, tổ chức hội nghị hội thảo...phù hợp với đơn vị. - PPĐG: Có đủ văn bản: 3,0 đ; Thiếu 01 minh chứng trừ 0,5 đ.
2	Có chương trình và kế hoạch hoạt động HTQT (<i>kế hoạch hàng năm</i>) phù hợp với chiến lược tổng thể của đơn vị và Đại học, có kế hoạch kinh phí đính kèm.	3,0	- MC: Bản kế hoạch hoạt động HTQT của đơn vị được phê duyệt kèm theo phân bổ kinh phí hàng năm. - PPĐG: Căn cứ vào hợp phần và chất lượng của minh chứng, thiếu 01 hợp phần trừ 0, 5 điểm.
3	Thực hiện chế độ báo cáo về các hoạt động HTQT, có báo cáo đính kèm.	5,0	
3.1	<i>Thực hiện đúng tiến độ báo cáo (báo cáo HTQT định kỳ 6 tháng, 1 năm và công văn báo đoàn).</i>	2,0	- MC: Công văn báo đoàn, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm. - PPĐG: Nộp báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn được 2,0 điểm; Báo cáo nộp chậm bị trừ 1,0 điểm.
3.2	<i>Thực hiện đúng các báo cáo đột xuất theo yêu cầu.</i>	1,0	- MC: Các báo cáo đột xuất theo yêu cầu. - PPĐG: Nộp báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn được 1,0 điểm; Báo cáo nộp chậm bị trừ 0,5 điểm.
3.3	<i>Có cơ chế phối hợp giữa phòng/tổ liên quan của đơn vị trong việc quản lý cán bộ quản lý (CBQL), cán bộ giảng dạy (CBGD)và sinh viên/học viên đi nước</i>	2,0	- MC: Các văn bản thể hiện sự phối hợp giữa các phòng/tổ có liên quan của đơn vị. - PPĐG:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<i>ngoài học tập, nghiên cứu và các mục đích khác; cũng như việc quản lý người nước ngoài đến công tác và học tập tại ĐHTN.</i>		+ Thực hiện tốt: 2,0 điểm. + Thiếu 01 minh chứng trừ 0,25 điểm (ví dụ như quyết định đoàn đi nước ngoài)
4.	Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực (<i>chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ</i>) để xây dựng và triển khai các hoạt động HTQT.	3,0	
4.1.	<i>Có chuyên viên phụ trách hoạt động HTQT và sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ.</i>	2,0	- MC: Danh sách chuyên viên kèm theo bản phân công nhiệm vụ; văn bằng, chứng chỉ về trình độ ngoại ngữ. - PPĐG: Đáp ứng yêu cầu: 2,0 điểm; Thiếu báo cáo kết quả hoạt động trừ 0,5 điểm.
4.2.	<i>Có nhóm cộng tác viên HTQT (giảng viên/sinh viên) được phân công nhiệm vụ rõ ràng</i>	1,0	- MC: Quyết định thành lập nhóm kèm theo danh sách thành viên trong nhóm; bản phân công nhiệm vụ, nội dung hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động. - PPĐG: Có quyết định lập nhóm và kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ được 1,0 điểm. Thiếu báo cáo kết quả hoạt động trừ 0,25 điểm.
5.	Có trang web giới thiệu bằng ngoại ngữ về đơn vị, trong đó có HTQT	2,0	- MC: Trang web - PPĐG: Có trang web được 2,0 điểm
6.	Thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước, Bộ GD&ĐT, ĐHTN và đơn vị về hoạt động HTQT.	2,0	- MC: Các văn bản đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền về việc chấp hành các quy định (nếu có) hoặc sổ sách theo dõi của cơ quan quản lý cấp trên hoặc giấy khen, bằng khen... - PPĐG: Vi phạm quy định về HTQT trừ 2,0 điểm.
II	Đoàn ra	18,0	
1.	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến về các chương trình: trao đổi, bồi dưỡng và đào tạo CBGD, CBQL và sinh viên/học viên tại nước ngoài.	18,0	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.1	<i>Cử CBGD, CBQL đi học ngắn hạn/nghiên cứu chuyên đề/hội nghị, hội thảo ở nước ngoài. Có báo cáo kết quả sau chuyến đi</i>	4,0	- MC: Quyết định cử đi; Có báo cáo kết quả chuyến đi. - PPĐG: 1-5 đoàn: 2 điểm, 6-9 đoàn: 3 điểm, >10 đoàn: 4 điểm. Thiếu báo cáo kết quả trừ 0,25 điểm/ đoàn.
1.2	<i>Cử CBGD, CBQL đi ký kết và triển khai các hoạt động hợp tác trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH)...</i>	3,0	- MC: Quyết định cử đi; Có báo cáo kết quả chuyến đi; - PPĐG: 1-5 đoàn: 2,0 điểm, 6-9 đoàn: 2,5 điểm, >10 đoàn: 3,0 điểm. Thiếu báo cáo kết quả trừ 0,25 điểm/ đoàn.
1.3	<i>Cử cán bộ đi học Thạc sỹ, Tiến sỹ ở nước ngoài</i>	3,0	- MC: Quyết định cử đi. - PPĐG: ≤ 5 người: 2,5 điểm, > 6 người: 3,0 điểm.
1.4	<i>Cử sinh viên/học viên ra nước ngoài học tập ngắn hạn hoặc thực tập nghề nghiệp, giao lưu trao đổi văn hóa.</i>	4,0	- MC: Quyết định cử đi; Có báo cáo kết quả chuyến đi. - PPĐG: 1-5 đoàn: 3,0 đ, 6-9 đoàn: 3,5 đ, >10 đoàn: 4,0 đ.
1.5	<i>Cử sinh viên/học viên ra nước ngoài đào tạo dài hạn (từ 1 năm trở lên) gồm có và không có học bổng.</i>	4,0	- MC: Quyết định cử đi - PPĐG: ≤ 5 người: 3,5 điểm, > 6 người: 4 điểm.
III	Đoàn vào	20,0	
1.	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến về việc tiếp nhận người nước ngoài đến giao lưu trao đổi, thảo luận hợp tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học hoặc thực hiện dự án.	10,0	
1.1	<i>Tiếp nhận người nước ngoài đến giao lưu trao đổi, thảo luận hợp tác.</i>	5,0	- MC: Thư mời + danh sách người nước ngoài; kế hoạch làm việc. - PPĐG: 1-10 đoàn: 4,0 đ, 11-20 đoàn: 4,5 đ, > 20 đoàn: 5,0 đ.
1.2	<i>Tiếp nhận người nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học và thực hiện dự án</i>	5,0	- MC: Văn bản tiếp nhận; Danh sách người nước ngoài; kế hoạch làm việc. - PPĐG: 1-5 người: 4 điểm, 6-10 người: 4,5 điểm, > 11 người: 5,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
2	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến việc tiếp nhận sinh viên nước ngoài (SVNN) đến học tập/nghiên cứu.	10,0	
2.1	<i>Tiếp nhận SVNN đến học tập ngắn hạn, thực tập tốt nghiệp hoặc giao lưu văn hóa.</i>	5,0	- MC: Danh sách SVNN; hồ sơ cá nhân; kế hoạch học tập/thực tập... - PPĐG: 1-10 người: 4 điểm, 11-50 người: 4,5 điểm, >50 người: 5,0 điểm.
2.2	<i>Tiếp nhận SVNN đến học tập dài hạn (từ 1 năm trở lên) có học bổng hoặc tự túc.</i>	5,0	- MC: Quyết định tiếp nhận; Danh sách SVNN; kế hoạch học tập. - PPĐG: 1-10 người: 4 điểm, 10-20 người: 4,5 điểm, >20 người: 5,0 điểm.
IV	Khai thác và thực hiện các chương trình, dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ từ nước ngoài	14,0	
1.	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến việc khai thác, xây dựng các dự án, chương trình hợp tác nghiên cứu với nguồn hỗ trợ từ các đối tác, tổ chức phi chính phủ, chính phủ nước ngoài...	14,0	
1.1	<i>Xây dựng được bản dự án, chương trình hợp tác nghiên cứu với nguồn hỗ trợ từ các đối tác nước ngoài để đề nghị phê duyệt.</i>	5,0	- MC: Bản dự án/chương trình hợp tác nghiên cứu đã xây dựng xong. - PPĐG: trị giá 1.000-3.000 USD: 4 điểm, 4.000-8.000 USD: 4,5 điểm; > 9.000 USD: 5,0 điểm.
1.2	<i>Dự án/chương trình hợp tác nghiên cứu với nguồn hỗ trợ từ các đối tác nước ngoài được duyệt và đưa vào triển khai.</i>	6,0	- MC: Quyết định phê duyệt; Quyết định thành lập Ban điều hành; kế hoạch triển khai. - PPĐG: trị giá 1.000- 3.000 USD: 4 điểm, 4.000-8.000 USD: 4,5 điểm; > 9.000 USD: 5,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1.3	<i>Quản lý và thực hiện tốt các dự án/chương trình hợp tác nghiên cứu với nguồn hỗ trợ từ các đối tác nước ngoài được tiếp tục triển khai từ các năm trước, không để xảy ra rủi ro....</i>	3,0	- MC: Bản báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng và báo cáo hàng năm - PPDG: Thực hiện tốt: 3,0 điểm; Vi phạm: trừ 1,0 điểm /dự án/chương trình.
V	Hợp tác đào tạo với nước ngoài	16,0	
1	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến việc thực hiện chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật với đối tác nước ngoài.	16,0	
1.1	<i>Có chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo quốc tế được phê duyệt và triển khai thực hiện</i>	3,0	- MC: Đề án; Quyết định về việc cho phép triển khai thực hiện chương trình. - PPDG: ≤ 2 chương trình: 2,5 điểm, > 4 chương trình: 3,0 điểm.
1.2	<i>Có chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật ngắn hạn với các đối tác nước ngoài.</i>	4,0	- MC: Nội dung chương trình; Quyết định về việc cho phép triển khai thực hiện chương trình. - PPDG: ≤ 2 chương trình: 3,5 điểm, > 4 chương trình: 4,0 điểm.
1.3	<i>Duy trì việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo đúng quy định đối với các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình LKĐTQT đã phê duyệt từ các năm trước</i>	2,0	- MC: Thông báo tuyển sinh; Kết quả tuyển sinh; Chương trình đào tạo. - PPDG: Thực hiện đúng : 2,0 điểm; Không tuyển sinh được hoặc vi phạm quy định trừ 1,0 đ.
1.4	<i>Duy trì việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo đúng quy định đối với các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật ngắn hạn với các đối tác nước ngoài.</i>	3,0	- MC: Thông báo tuyển sinh; Kết quả tuyển sinh; Chương trình đào tạo. - PPDG: + Thực hiện đúng : 3,0 điểm; + Không tuyển sinh được hoặc vi phạm quy định trừ 1,5 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1.5	<i>Triển khai thực hiện chương trình đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ/chứng nhận với đối tác nước ngoài.</i>	4,0	- MC: Nội dung chương trình, kế hoạch thực hiện. - PPDG: ≤ 3 chương trình: 3,5 điểm, > 4 chương trình: 4,0 điểm.
VI	Phát triển Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao Khoa học công nghệ	14,0	
1	Hoàn thành so với kế hoạch dự kiến việc tổ chức các hội thảo, hội nghị quốc tế, trao đổi thông tin, sách báo, tạp chí KHCN với nước ngoài.	11,0	
1.1	<i>Tổ chức độc lập hoặc đồng tổ chức Hội thảo quốc tế (cấp Đại học)</i>	5,0	MC: Quyết định cho phép tổ chức; Kế hoạch hội thảo/hội nghị; Báo cáo kết quả hội nghị/hội thảo. - PPDG: ≤ 3 chương trình: 4 điểm, > 4 chương trình: 5 điểm.
1.2	<i>Tổ chức các hội nghị, tập huấn, seminars chuyên đề có yếu tố nước ngoài (cấp Trường, cấp Khoa, Bộ môn)</i>	4,0	- MC: Quyết định cho phép tổ chức; Báo cáo kết quả. - PPDG: ≤ 5 chương trình: 3 điểm, > 6 chương trình: 4 điểm.
1.3	<i>Có hoạt động trao đổi thông tin, sách báo, tạp chí KHCN với các đối tác quốc tế.</i>	2,0	- MC: Danh mục tên các bài báo, tên tạp chí, số tạp chí, năm xuất bản. - PPDG: ≤ 4 chương trình: 1,5 điểm, > 5 chương trình: 2 điểm.
2	Có tham gia mạng lưới hợp tác quốc tế và tham gia mạng lưới đại học, nghiên cứu quốc tế	3,0	- MC: Văn bản liên quan minh chứng là thành viên của các mạng lưới hợp tác quốc tế. - PPDG: Có tham gia mạng lưới quốc tế được 3,0 điểm.

Tiêu chuẩn 7
CÔNG TÁC KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH, THỐNG KÊ VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐÓNG GÓP
Tổng điểm: 100 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1	Công tác kế hoạch, tài chính và thống kê	60,0	
1.1.	Công tác kế hoạch	26,0	
a)	<i>Có kế hoạch chiến lược dài hạn về phát triển đơn vị, hàng năm có rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp.</i>	2,0	MC: Bản kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản rà soát bổ sung hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. PPĐG: Có kế hoạch được phê duyệt được 1,0 điểm; rà soát, sửa đổi bổ sung hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo ĐHTN được 1,0 điểm.
b)	<i>Lập kế hoạch hoạt động, dự toán NSNN hàng năm đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của ĐHTN, Bộ GD&ĐT và thực hiện theo đúng kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i>	20,0	MC: Kế hoạch tài chính được ĐHTN phê duyệt, dự toán tổng thể, dự toán chi tiết thể hiện rõ nhiệm vụ trọng tâm trong năm, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt và nộp các báo cáo theo quy định. PPĐG: Có kế hoạch tài chính và Dự toán tổng thể được ĐHTN phê duyệt, báo cáo ĐHTN đúng thời gian được 5,0 điểm; có dự toán chi tiết thể hiện rõ nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ chính trị trong năm được phê duyệt được 10 điểm; có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt nộp ĐHTN được 5,0 điểm. Nộp chậm 1 báo cáo trừ 5,0 điểm/lần. Không nộp 01 báo cáo trừ 10 điểm.
c)	<i>Có quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, sửa đổi,</i>	2,0	MC: Quy chế được chỉnh sửa, bổ sung hàng năm và báo cáo

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<i>bổ sung theo quy định.</i>		ĐHTN theo quy định. PPĐG: Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng mới hoặc bổ sung hàng năm thông qua Hội nghị CBVC được 1,0 điểm. Báo cáo ĐHTN bằng văn bản, đúng thời hạn được 1,0 điểm.
d)	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo kế hoạch đột xuất.</i>	2,0	MC: Các báo cáo đột xuất về lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và báo cáo về tình hình kinh phí, đề nghị cấp bù kinh phí... PPĐG: Nộp báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định được 2,0 điểm (<i>Nộp chậm 1 báo cáo bị trừ 1,0 điểm; không nộp 1 báo cáo bị trừ 2,0 điểm</i>).
1.2	Công tác tài chính	24,0	
a)	<i>Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán, thực hiện tốt kiến nghị của các đoàn kiểm tra, kiểm toán, thông báo duyệt y quyết toán hàng năm.</i>	10,0	MC: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán, duyệt y quyết toán hàng năm của đơn vị. PPĐG: Vi phạm chế độ tài chính, kế toán chưa đến mức bị xử lý hành chính bị trừ 5,0 điểm/lần; Trừ 2,0 điểm cho 1 kiến nghị sửa chữa sai sót của thanh tra, kiểm toán, duyệt quyết toán các cơ quan có thẩm quyền.
b)	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo tài chính định kỳ (báo cáo quý, báo cáo năm được lập đầy đủ và nộp đúng hạn theo quy định của nhà nước và của ĐHTN).</i>	10,0	MC: Các báo cáo của đơn vị và thời hạn nộp báo cáo PPĐG: Nộp báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định được 10 điểm (<i>nộp chậm 1 báo cáo bị trừ 2,0 điểm; Không nộp 1 báo cáo bị trừ 5,0 điểm</i>)
c)	<i>Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo tài chính đột xuất.</i>	4,0	MC: Các báo cáo của đơn vị và thời hạn nộp báo cáo PPĐG: 1 báo cáo chậm thời hạn bị trừ 1,0 điểm; Không nộp 1 báo cáo bị trừ 2,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.3.	Công tác thống kê	4,0	
a)	<i>Thực hiện báo cáo thống kê định kỳ kịp thời, đầy đủ.</i>	2,0	MC: Các báo cáo của đơn vị và thời hạn nộp báo cáo PPĐG: 1 báo cáo nộp chậm bị trừ 1,0 điểm; Không nộp 1 báo cáo bị trừ 2,0 điểm.
b)	<i>Thực hiện nghiêm chỉnh các báo cáo thống kê đột xuất theo yêu cầu của ĐHTN và Bộ GD&ĐT</i>	2,0	MC: Các báo cáo của đơn vị và thời hạn nộp báo cáo PPĐG: 1 báo cáo nộp chậm bị trừ 1,0 điểm; Không nộp 1 báo cáo bị trừ 2,0 điểm.
1.4.	Thực hiện Quy chế công khai tại các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT, ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT	3,0	MC: Các nội dung Quy chế công khai, thông tin các lĩnh vực yêu cầu công khai theo Quy chế PPĐG: Thực hiện đầy đủ các nội dung công khai được 1,0 điểm; Cập nhật đầy đủ các nội dung công khai theo định kỳ quy định được 2,0 điểm.
1.5.	Thực hiện công khai theo Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính đầy đủ, kịp thời theo báo cáo theo quy định của ĐHTN và Bộ GD&ĐT.	3,0	MC: Báo cáo tình hình thực hiện công khai của đơn vị và thời gian nộp báo cáo PPĐG: Báo cáo không đầy đủ hoặc không kịp thời bị trừ 1,0 điểm. Không nộp báo cáo bị trừ 3,0 điểm.
2	Thực hiện các nghĩa vụ đóng góp	40,0	
2.1.	Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các khoản đóng góp điều phối kinh phí cho các hoạt động chung của đại học.	30,0	MC: Các chứng từ đóng góp kinh phí điều phối cho các hoạt động chung của đại học. PPĐG: Thực hiện được 3,3% kinh phí phải đóng góp theo quy định, đúng thời hạn được 1,0 điểm. [Nghĩa vụ đóng góp được tính theo năm tài chính. Đánh giá kết quả năm học x - (x+1) thì lấy kết quả năm tài chính x. Tổng nghĩa

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			vụ đóng góp bằng nghĩa vụ đóng góp của năm $x + 1$ lũy kế chưa thực hiện của những năm trước].
2.2	Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian kinh phí đối ứng theo kế hoạch đăng ký.	10,0	<p>MC: Các chứng từ đóng góp kinh phí đối ứng trong năm</p> <p>PPĐG: Thực hiện được 10,0% kinh phí phải đóng góp theo quy định, đúng thời hạn được 1,0 điểm.</p> <p>[Nghĩa vụ đóng góp được tính theo năm tài chính. Đánh giá kết quả năm học $x - (x+1)$ thì lấy kết quả năm tài chính x. Tổng kinh phí đối ứng bằng kinh phí đối ứng của năm $x + 1$ lũy kế chưa thực hiện của những năm trước].</p>

Tiêu chuẩn 8
CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO THƯ VIỆN
Tổng điểm: 100 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1.	Quy hoạch và sử dụng đất	10,0	
1.1	Có quy hoạch chi tiết phát triển đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	5,0	MC: Quy hoạch chi tiết về phát triển đơn vị. PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).
1.2	Quản lý và sử dụng đất được giao đúng mục đích. Không để xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đã được giao cho đơn vị quản lý.	5,0	MC: Báo cáo đánh giá quản lý, sử dụng đất của đơn vị (nếu có); Biên bản kiểm tra, thanh tra quản lý, sử dụng đất của cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan chức năng. PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).
2.	Công tác xây dựng cơ sở vật chất (XDCCB và mua sắm thiết bị đào tạo, nghiên cứu).	80,0	
2.1	Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (CSVCC).	5,0	MC: Các kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm về xây dựng CSVCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt. PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).
2.2	Tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục đầu tư, đấu thầu về xây dựng và mua sắm theo các quy định hiện hành của Nhà nước và ĐHTN.	15,0	MC: Các văn bản, chứng từ thực hiện tại đơn vị, các kết luận, biên bản của cấp trên, đơn vị thanh, kiểm tra đánh giá về việc chấp hành thủ tục, trình tự xây dựng, mua sắm của đơn vị. PPDG: Cứ 01 trường hợp vi phạm bị trừ 5,0 điểm. Vi phạm đến mức phải xử lý hành chính thì bị 0 điểm cho tiêu chí này.
2.3	Các công trình, dự án được giao làm chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, giải ngân đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng công trình. Quyết toán vốn đầu tư, dự án đúng thời gian quy định. Không có các khoản nợ quá hạn thanh toán (>1 năm) theo hợp đồng đã ký.	5,0	MC: Các hồ sơ liên quan đến đầu tư, mua sắm. Các báo cáo quyết toán công trình hoàn thành đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc báo cáo quyết toán đã được phê duyệt. PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
2.4	Quản lý, khai thác và sử dụng CSVC của đơn vị có hiệu quả và đúng mục đích.	10,0	MC: Các văn bản, quy định của đơn vị về quản lý, khai thác, sử dụng CSVC và kết quả thực hiện các văn bản, quy định trên. PPĐG: Cứ 01 trường hợp vi phạm quy định về quản lý tài sản bị trừ 5,0 điểm.
2.5	Hàng năm có tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản, thanh lý, hạch toán tài sản theo đúng quy định của nhà nước (về thời gian thực hiện và biểu mẫu theo quy định).	10,0	MC: Văn bản chỉ đạo, triển khai, biên bản liên quan đến công tác kiểm kê, thanh lý, hạch toán tài sản của đơn vị và kết quả thực hiện các văn bản trên. PPĐG: Cứ 01 trường hợp vi phạm bị trừ 2,0 điểm
2.6	Có văn bản quy định nội bộ về công tác quản lý, sử dụng, mua sắm, thanh lý tài sản.	10,0	MC: Các văn bản, quy định của đơn vị về quản lý, sử dụng, mua sắm tài sản. PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*)
2.7	Xây dựng kế hoạch, dự án xây dựng CSVC theo yêu cầu của cấp trên; lập, nộp các báo cáo về công tác quản lý CSVC đúng hạn, đúng quy định	5,0	MC: Các kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Các báo cáo về quản lý CSVC và thời hạn nộp báo cáo. PPĐG: 01 lần nộp chậm kế hoạch, dự án, báo cáo bị trừ 1,0 điểm; Không nộp 01 kế hoạch, dự án, báo cáo bị trừ 5,0 điểm.
2.8	Tham gia đầy đủ các cuộc tập huấn về công tác quản lý CSVC của cấp trên, có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý CSVC của đơn vị.	5,0	MC: Văn bản cử cán bộ đi dự tập huấn, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý CSVC. PPĐG: 1 lần không tham gia tập huấn hoặc không cử đủ số cán bộ tham gia tập huấn bị trừ 1,0 điểm; Không có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý CSVC bị trừ 2,0 điểm.
2.9	Dành các nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư xây dựng CSVC (XDCB và mua sắm thiết bị...) đạt từ 15% tổng thu học phí (hoặc kinh phí cấp bù học phí) trở lên.	15,0	MC: Sổ sách kế toán và các chứng từ chi cho xây dựng CSVC từ nguồn học phí. PPĐG: Cứ đạt 1% tổng kinh phí thu hợp pháp thu được dành cho xây dựng CSVC được 1,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			[Số liệu đầu tư xây dựng CSVG và học phí được tính theo năm tài chính theo quy định năm tài chính X được tính cho năm học X - (X + 1)].
3.	Công tác thư viện	10,0	
3.1.	Có kế hoạch hàng năm, trung hạn, dài hạn và quy hoạch phát triển thư viện của đơn vị.	5,0	MC: Kế hoạch hàng năm, trung hạn, dài hạn và quy hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng minh chứng (*).
3.2.	Tổ chức khai thác tốt các nguồn vốn để mua sắm giáo trình, tài liệu, thiết bị cho thư viện.	5,0	MC: Dự toán kinh phí, hồ sơ, chứng từ chi mua giáo trình, tài liệu, thiết bị cho thư viện phục vụ đào tạo và nghiên cứu. PPĐG: Căn cứ vào định mức chi cho công tác này tính theo quy mô sinh viên quy đổi theo quy định của Bộ GDĐT và số CB, giảng viên của đơn vị (số liệu kế toán theo năm tài chính trước thời điểm kiểm tra; - Công thức tính số người được đầu tư: $A = \text{Quy mô SV quy đổi} + \text{số CB GV của đơn vị.}$ - Cách tính điểm như sau: + Đầu tư 50.000 đ – 100.000đ/người được 1,0 điểm. + Từ 101.000 đ – 150.000 đ/người được 2,0 điểm. + Từ 151.000 đ - 200.000 đ/người được 3,0 điểm. + Từ 201.000 đ - 250.000 đ/người được 4,0 điểm. + Trên 250.000 đ/người được 5 điểm. (Đầu tư dưới mức 50.000 đ/người không có điểm).

Tiêu chuẩn 9
CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN
Tổng điểm: 100 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.	Công tác xây dựng kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học; xây dựng, cụ thể hóa các văn bản, triển khai thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên về công tác sinh viên.	20,0	
1.1.	<p><i>- Kế hoạch năm học được hiệu trưởng phê duyệt (bao gồm nội dung, giải pháp, mục tiêu, thời gian và kinh phí thực hiện cụ thể đối với từng hoạt động);</i></p> <p><i>- Đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả triển khai thực hiện từng nội dung;</i></p> <p><i>- Có mô tả công việc, phân công nhiệm vụ cán bộ công tác HSSV.</i></p>	2,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch được phê duyệt, bám sát nhiệm vụ trọng tâm (văn bản, có chữ ký và đóng dấu của lãnh đạo đơn vị, được quản lý tại phòng công tác HSSV); - Đảm bảo tiến độ, nội dung và kết quả thực hiện cụ thể từng hoạt động (Báo cáo cụ thể bằng bản giấy được lãnh đạo đơn vị xác nhận); - Văn bản mô tả vị trí việc làm và phân công nhiệm vụ của cán bộ làm công tác HSSV. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt điểm tối đa nếu đảm bảo hiệu quả các nội dung; - Kế hoạch không sát nhiệm vụ trọng tâm, hoặc không triển khai, trừ ½ số điểm.
1.2.	<p><i>- Triển khai Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020” trong ngành Giáo dục;</i></p> <p><i>- Triển khai quy định về công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập của Đại học Thái nguyên</i></p>	10,0	<p>MC: Các quy định cụ thể đối với từng nội dung; kế hoạch, tổ chức thực hiện, phương pháp đánh giá và kết quả cụ thể triển khai tại trường trong năm học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và nội dung triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020” trong trường;

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<p><i>Ban hành kèm Quyết định số 1797 /QĐ-ĐHTN ngày 30/8/2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên);</i></p> <p><i>- Triển khai hoạt động ngoại khóa, công tác xã hội trong sinh viên, gắn kết với việc xét điểm rèn luyện của sinh viên;</i></p>		<p>- Các hoạt động hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ sinh viên được kết nạp đảng trong nhà trường so với năm học trước; Xây dựng và triển khai thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường;</p> <p>- Kế hoạch và nội dung triển khai quy định về công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập trong trường;</p> <p>- Quy định và nội dung triển khai hoạt động ngoại khóa, công tác xã hội trong sinh viên, gắn kết với việc xét điểm rèn luyện của sinh viên trong trường.</p> <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <p>- Đạt điểm tối đa nếu triển khai cụ thể, hiệu quả các nội dung;</p> <p>- Thực hiện chậm (không có lý do), hoặc không triển khai, mỗi 1 nội dung: trừ 1/2 tổng điểm.</p>
1.3.	<p><i>Triển khai hệ thống phần mềm quản lý công tác sinh viên.</i></p>	8,0	<p>MC: Triển khai các phần mềm, cập nhật đủ cơ sở dữ liệu theo chủ trương chung của Đại học và kết quả cụ thể triển khai tại trường trong năm học.</p> <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <p>- Đạt điểm tối đa nếu triển khai hiệu quả các nội dung;</p> <p>- Thực hiện chậm (không có lý do), hoặc không triển khai, mỗi 1 nội dung: trừ 1/2 tổng điểm.</p>
2.	<p>Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục pháp luật và nắm bắt diễn biến tư tưởng trong sinh viên; phối hợp giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra.</p>	20,0	
2.1.	<p><i>Triển khai thực hiện tuần sinh hoạt công dân đầu</i></p>	5,0	<p>MC: - Kế hoạch, nội dung chi tiết triển khai tuyên truyền các quy</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<i>năm học, đầu khóa học, cuối khóa học theo chỉ đạo của ĐHTN.</i>		<p>chế, quy định,... liên quan tới người học (đảm bảo 100% sinh viên các hệ và loại hình đào tạo được học tập) theo chỉ đạo của ĐHTN;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện; - Kết quả tổ chức cho sinh viên học bù; - Kết quả tổ chức cho 100% sinh viên ký cam kết thực hiện các quy chế, quy định, chấp hành pháp luật,...; - Kết quả tổ chức khảo sát việc tiếp nhận thông tin từ phía sinh viên sau khi tổ chức tuần sinh hoạt công dân; - Quyết định công nhận (cấp chứng chỉ tham gia khóa học của nhà trường). <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt điểm tối đa nếu triển khai hiệu quả các nội dung; - Cứ 01 nội dung không triển khai, trừ ½ tổng số điểm.
2.2.	<i>Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống, ngoại khóa cho HSSV,... (ngoài nội dung đã tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân).</i>	10,0	<p>MC: Kế hoạch, văn bản được phê duyệt, kết quả cụ thể, số lượng sinh viên tham gia từng hoạt động (báo cáo, ảnh tư liệu, website,...). Đảm bảo các hoạt động đủ 4 cấp (từ cấp lớp (chi đoàn), Khoa, trường và tham gia hoạt động cấp trên).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống; - Các cuộc thi tìm hiểu; - Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TĐTT; - Các hoạt động sinh viên tình nguyện; - Tham gia hoạt động cấp cấp đại học, Tỉnh và Trung ương; - Hoạt động ngoại khóa của từng sinh viên theo quy định của trường, đảm bảo tỷ lệ 100% sinh viên tham gia;

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi hoạt động thực hiện hiệu quả (số lượng, chất lượng) được 0,5 đ; - Không đảm bảo tỷ lệ sinh viên hoạt động ngoại khóa: cứ thiếu 10% không tham gia trừ 1,0 điểm.
2.3.	<i>Công tác nắm bắt diễn biến tư tưởng trong sinh viên; kết quả giải quyết các vụ việc cụ thể trong năm học.</i>	5,0	<p>MC: - Quy định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của trường, kết quả cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin giao ban định kỳ của trường liên quan tới người học, giải pháp khắc phục tồn tại. - Đảm bảo Báo cáo kịp thời các vụ việc liên quan tới sinh viên của nhà trường cho ĐHTN và các cơ quan liên quan trên địa bàn Tỉnh. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp thực hiện hiệu quả, không có phát sinh mới các vụ việc liên quan tới sinh viên tham gia hội, nhóm trái pháp luật và các vi phạm pháp luật khác của người học: Được tối đa số điểm. - Để xảy ra các vụ việc liên quan tới các vi phạm của người học trong trường (do chủ quan) : Mỗi vụ việc trừ 1,0 điểm; - Không kịp thời xử lý hoặc báo cáo kịp thời cấp trên: mỗi vụ việc trừ 1/5 tổng điểm.
3.	Thực hiện các Quy chế, Quy định hiện hành của các cấp liên quan tới sinh viên, liên quan tới quản lý, điều hành.	40,0	
3.1.	<i>Công khai các văn bản liên quan tới nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm và chế độ chính sách của sinh viên lên website của nhà trường, sổ tay sinh viên, ... (theo quy định của Đại học);</i>	3,0	<p>MC: Hệ thống văn bản công khai trên website, sổ tay sinh viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế công tác sinh viên; - Quy chế đào tạo; - Chương trình đào tạo;

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
	<i>Xây dựng danh mục tài liệu sinh viên cần biết và hướng dẫn sinh viên tra cứu.</i>		<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn đầu ra; - Quy chế công tác sinh viên nội trú, ngoại trú; - Các quy định về chế độ chính sách, học bổng, học phí, lệ phí (KTX); - Sổ tay sinh viên; - Danh mục tài liệu để sinh viên tra cứu. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hệ thống văn bản được công khai đầy đủ theo quy định, dễ tra cứu: Đạt tối đa số điểm - Mỗi nội dung không công khai, hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/2 tổng số điểm.
3.2.	<i>Đánh giá điểm rèn luyện</i>	8,0	<p>MC: - Hệ thống văn bản, quy định của trường về đánh giá, xét điểm rèn luyện của sinh viên từng kỳ học;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện hiệu quả “Sổ theo dõi sinh viên ở nội trú, ngoại trú” đã được Giám đốc ĐHTN ban hành (Quyết định 918/QĐ – ĐHTN ngày 28/8/2012 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên) làm cơ sở đánh giá điểm rèn luyện quy định; - Kết quả điểm rèn luyện được cập nhật và lưu trữ vào hồ sinh viên từng kỳ; - Kết quả rèn luyện toàn khóa được in vào bảng điểm của HSSV khi ra trường; - Tỷ lệ sinh viên chính quy đạt rèn luyện từ khá trở lên: 90%; <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo công khai, chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên: Đạt tối đa số điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			- Mỗi nội dung không công khai, hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/2 số điểm.
3.3.	<i>Cấp phát văn bằng, chứng chỉ</i>	3,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quy định, sổ sách quản lý; - Đảm bảo chính xác, kịp thời; - Quản lý văn bằng qua phần mềm quản lý, dễ tra cứu, thẩm định văn bằng. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định, triển khai phần mềm tra cứu, lưu trữ: Đạt tối đa số điểm. - Mỗi nội dung không công khai, hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/2 số điểm.
3.4.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên;</i> - <i>Khen thưởng, kỷ luật sinh viên.</i> 	6,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình triển khai; - Các Quyết định liên quan (đảm bảo đúng, đủ các chế độ chính sách cho sinh viên, cơ sở dữ liệu 2 kỳ học gần nhất, tính đến thời điểm xét thi đua): <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định, danh sách, tổng số tiền đã cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên; + Quyết định, danh sách, tổng số tiền đã thực hiện chế độ trợ cấp xã hội cho sinh viên; + Quyết định, danh sách, tổng số tiền Hỗ trợ chi phí học tập đối với HSSV là người dân tộc thiểu số (TT 35/2014/TTLT – BGDĐT – BTC); + Quyết định, danh sách, tổng số tiền đã thực hiện việc cấp bù

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<p>học phí cho sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu theo dõi sinh viên vay vốn; - Khen thưởng, kỷ luật sinh viên đúng quy định, không có khiếu kiện vượt cấp. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo công khai, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định việc thực hiện chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật sinh viên: Đạt tối đa số điểm - Mỗi nội dung không công khai, hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/4 số điểm. - Có khiếu nại vượt cấp: trừ ½ tổng số điểm; - Không đảm bảo tỷ lệ theo quy định: trừ ½ tổng số điểm.
3.5.	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú; - Công tác phối hợp đảm bảo ANTT. 	20,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản, quy định cụ thể về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú; - Kế hoạch kiểm tra nội trú, ngoại trú, kết quả cụ thể; - Cập nhật dữ liệu qua phần mềm quản lý; - Thông tin liên quan tới KTX và tình hình HSSV ở trong KTX được thông báo công khai trên website của đơn vị, định kỳ cập nhật; - Kết quả tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên ở trong KTX về các hoạt động liên quan trong KTX, kế hoạch cải thiện sau khảo sát (chất lượng phục vụ, dịch vụ, phòng ở, môi trường, an ninh, trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm,...) - Chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (các cơ sở dịch vụ trong trường do cơ quan chức năng cấp); - Chứng nhận đảm bảo phòng cháy, chữa cháy (do cơ quan chức

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<p>năng cấp) trong khuôn viên nhà trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả khảo sát chỗ ở và tư vấn sinh viên ở ngoại trú; - Tổ chức đối thoại, giao ban sinh viên cấp trường; - Hội nghị, giao ban với địa phương về công tác sinh viên nội, ngoại trú; - Kế hoạch và kết quả sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ, nhà ăn, căng tin, mạng internet, đảm bảo điện, nước sạch sinh hoạt, đảm bảo hệ thống phòng cháy. Các giải pháp thu hút sinh viên vào ở trong các khu nội trú (so sánh với năm học trước); - Kế hoạch và kết quả tập huấn nghiệp vụ cho bảo vệ, thanh niên xung kích,... trong công tác đảm bảo ANTT; - Kế hoạch và kết quả phối hợp với công an địa phương trong việc phối hợp, rà soát công tác đăng ký tạm trú, tạm vắng cho sinh viên (cơ sở dữ liệu cụ thể); đảm bảo 100% sinh viên đăng ký tạm trú, tạm vắng theo quy định của luật cư trú; - Công tác quản lý lưu học sinh (đủ cơ sở dữ liệu, cập nhật qua phần mềm quản lý, đảm bảo quản lý theo quy định hiện hành đối với người nước ngoài học tập, công tác, trao đổi sinh viên,... tại trường); - Báo cáo kết quả triển khai Quy chế phối hợp số 1009/QCPH - TN giữa ĐHTN, công an tỉnh và sở giáo dục và đào tạo về việc thực hiện Thông tư liên tịch số 06/TTLT-BCA-BGDĐT của Liên Bộ Công an, Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 28/8/2015 hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục trên

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			địa bàn tỉnh Thái Nguyên. PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*): - Đảm bảo công khai, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định công tác sinh viên nội, ngoại trú, công tác đảm bảo ANTT, có kết quả cụ thể trưng nội dung: Đạt tối đa số điểm; - Mỗi nội dung không công khai, không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/5 số điểm; - Không xây dựng được giải pháp đổi mới, thu hút và đảm bảo tỷ lệ sinh viên ở trong khu nội trú theo quy định: trừ 1/5 số điểm.
4.	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học; - Bảo hiểm y tế.	5,0	MC: - Các quy định của trường về hoạt động và kế hoạch hoạt động của Trạm Y tế hoặc ký kết, liên kết/phối hợp với cơ sở y tế khám chữa bệnh, cấp cứu ban đầu; - Kết quả sinh viên được khám, chăm sóc, tư vấn sức khỏe (cơ sở dữ liệu cập nhật trên phần mềm quản lý); - Báo cáo kết quả và cơ sở dữ liệu HSSV tham gia bảo hiểm y tế (cập nhật qua phần mềm quản lý); - Kế hoạch và kết quả phòng chống HIV/AIDS, tác hại của thuốc lá; đảm bảo phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích nghiêm trọng trong trường học; - Tỷ lệ sinh viên tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*). - Mỗi hoạt động triển khai hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và cơ sở dữ liệu: Đạt tối đa số điểm; - Mỗi nội dung không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/4 số điểm;

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Không xây dựng được giải pháp cải thiện sau mỗi nội dung khảo sát: trừ 1/4 số điểm; - Không đảm bảo tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: cứ thiếu từ 1% đến 10% sinh viên không tham gia trừ 1,0 điểm; - Để xảy ra dịch bệnh, tai nạn thương tích nghiêm trọng trong trường (do chủ quan của trường): trừ 1/2 số điểm.
5.	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập, rèn luyện và phát triển kỹ năng; - Hoạt động các câu lạc bộ sở thích, nghề nghiệp; - Tư vấn và hỗ trợ tìm kiếm việc làm và hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp; - Trường huy động và tạo nguồn học bổng ngoài ngân sách cấp cho sinh viên. 	10,0	<p>MC: - Quyết định thành lập đơn vị (bộ phận) hỗ trợ người học, quy định chức năng, nhiệm vụ, nhân sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và nội dung hoạt động; - Các văn bản ký kết của trường với đơn vị sử dụng lao động về tạo điều kiện thực hành, thực tập cho người học; - Kết quả (cơ sở dữ liệu) về việc tổ chức các hoạt động hoạt động hỗ trợ/tư vấn/giới thiệu việc làm cho người học để tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo; - Kết quả hoạt động các câu lạc bộ, đào tạo, hỗ trợ phát triển kỹ năng; - Kết quả cấp học bổng ngoài ngân sách (do trường huy động đạt trên 200 triệu). <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi hoạt động triển khai hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và có đủ cơ sở dữ liệu: Đạt tối đa số điểm; - Mỗi nội dung không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả trừ 1/4 số điểm.
6	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác HSSV do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức. 	5,0	<p>MC: - Các công văn hoặc cử cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác HSSV do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức đúng thành phần; các góp ý, đóng góp, bài thu hoạch của</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
	<p>- Báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian quy định.</p>		<p>cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác HSSV; Biên bản triển khai các nội dung sau khi cán bộ, giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác HSSV do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức;</p> <p>- Báo cáo theo quy định, đúng, đủ cơ sở dữ liệu dữ liệu.</p> <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <p>- Tham gia đủ, báo cáo đủ, đúng tiến độ, nội dung: Đạt tối đa số điểm;</p> <p>- Không tham gia 1 hội nghị, hội thảo, tập huấn hoặc đối tượng dự không đúng thành phần: trừ 1,0 điểm/lần.</p> <p>- Mỗi báo cáo nộp chậm: trừ 1,0 điểm;</p> <p>- Mỗi báo cáo không nộp: trừ 2,0 điểm;</p> <p>- Báo cáo không đủ nội dung quy định: trừ 1,0 điểm.</p>

Tiêu chuẩn 10
CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA
Tổng điểm: 50 điểm

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
1	Có các văn bản của đơn vị hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động thanh tra	3,0	MC: - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. - Quy định về phối hợp thực hiện trong công tác thanh tra - Tài liệu hướng dẫn thực hiện các hoạt động thanh tra PPDG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*) - Có bản phân công nhiệm vụ cụ thể: 1,0 điểm. - Có Quy định về phối hợp thực hiện thanh tra theo qui định: 1,0 điểm. - Có tài liệu hướng dẫn thực hiện tổ chức thanh tra: 1,0 điểm.
2	Có chương trình, kế hoạch thanh tra do thủ trưởng đơn vị phê duyệt gắn với nhiệm vụ trọng tâm của năm học	5,0	MC: - Kế hoạch thanh tra năm học (Có nội dung cụ thể, thời gian thực hiện...) được thủ trưởng đơn vị phê duyệt - Kế hoạch thanh kiểm tra có nội dung gắn với nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị. - Các thông báo, hướng dẫn tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra PPDG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*) - Có: Kế hoạch thanh tra năm học (Có nội dung cụ thể, thời gian thực hiện...) được thủ trưởng đơn vị phê duyệt: 2,0 điểm. - Có nội dung gắn với nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị: 1,0 điểm. - Có đầy đủ thông báo, hướng dẫn thực hiện kế hoạch: 2,0 điểm.
3	Hoàn thành chương trình, kế hoạch thanh tra năm học	12,0	MC: - Báo cáo kết quả của các đợt thanh kiểm tra. - Báo cáo kết quả thanh tra của năm học đã được thủ trưởng phê duyệt.

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Công khai Kết luận thanh kiểm tra - Xây dựng Kế hoạch thực hiện theo kết luận thanh tra. - Văn bản giám sát, đôn đốc, kết quả thực hiện và kế hoạch khắc phục tồn tại theo kết luận thanh kiểm tra. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ Báo cáo kết quả các đợt thanh tra: 3điểm. - Có Báo cáo kết quả thanh tra năm học: 2,0 điểm. - Có công khai kết luận thanh tra: 2,0 điểm. - Có bản KH thực hiện kết luận thanh tra: 2,0 điểm. - Có văn bản giám sát kết quả khắc phục tồn tại: 3,0 điểm.
4	Thực hiện tốt các qui định về phòng chống tham nhũng	10,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại đơn vị (<i>Chương trình, tài liệu giảng dạy; Hướng dẫn lồng ghép, tích hợp nội dung phòng chống tham nhũng vào chương trình giảng dạy; Kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho giảng viên</i>). - Kế hoạch và kết quả tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện công tác phòng chống tham nhũng ở đơn vị. - Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác phòng chống tham nhũng. - Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, phát hiện, xử lý tham nhũng. - Minh chứng giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng. <p>PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có minh chứng đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy: 3,0 đ.

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
			<ul style="list-style-type: none"> - Có KH& kết quả tuyên truyền, thực hiện phòng, chống tham nhũng: 2,0 đ. - Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác phòng chống tham nhũng: 2,0 đ. - Minh chứng kết quả thực hiện phòng ngừa, phát hiện tham nhũng: 1,0 đ. - Minh chứng giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng: 2,0 điểm.
5	Thực hiện tốt các quy định về tiếp công dân theo quy định	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản qui định, phân công nhiệm vụ tiếp công dân - Có Phòng tiếp công dân riêng và hòm thư góp ý - Tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân - Đề xuất giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có qui định, phân công tiếp công dân: 2,0 điểm - Có Phòng tiếp công dân riêng và hòm thư góp ý: 1,0 điểm - Tổng hợp kết quả tiếp công dân: 1,0 điểm - Giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả tiếp công dân: 1,0 điểm
6	Giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo do thủ trưởng đơn vị giao, do cấp trên chuyển đến đúng quy định	7,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp số đơn thư, vụ việc đã giải quyết (lần 1, lần 2 và trên 2 lần), vụ việc chưa giải quyết. - Kết quả giải quyết: Số vụ việc khiếu nại đúng, sai, đúng 1 phần. - Ban hành các văn bản hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo. - Việc công khai kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo. - Việc thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo. <p>PPDG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản tổng hợp đơn thư, DS vụ việc đã giải quyết (lần 1, lần 2 và trên 2 lần), vụ việc chưa giải quyết: 1,0 điểm. - Minh chứng kết quả giải quyết từng vụ việc khiếu nại (đúng, sai, đúng 1

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			phần): 1,0 điểm. - Văn bản hướng dẫn giải quyết khiếu nại, tố cáo: 1,0 điểm. - Công khai kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo: 2,0 điểm. - Minh chứng thực hiện kết luận, giải quyết khiếu nại, tố cáo: 2,0 điểm.
7	Tham gia đầy đủ các hội nghị, tập huấn về công tác thanh tra	3,0	MC: - Công văn, danh sách cử cán bộ tham gia các đợt tập huấn do Bộ GD&ĐT, ĐHTN tổ chức. - Danh sách cán bộ tham gia các hội nghị về công tác thanh tra. - Tài liệu phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện nghị quyết các hội nghị về công tác thanh tra ở đơn vị. PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*). - Công văn, danh sách cử cán bộ tham gia tập huấn: 1,0 điểm - Danh sách cán bộ tham gia hội nghị về thanh tra: 1,0 điểm - Tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện nghị quyết, hội nghị về thanh tra: 1,0 điểm.
8	Bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	5,0	MC: - Báo cáo kết quả thanh tra năm học theo quy định. - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân - Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng theo quy định. - Báo cáo kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo - Báo cáo kết quả thực hiện theo kết luận thanh tra. PPĐG: Căn cứ vào số lượng, chất lượng minh chứng (*). - Báo cáo kết quả thanh tra năm học: 1,0 điểm - Báo cáo kết quả tiếp công dân: 1,0 điểm - Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng: 1,0 điểm - Báo cáo kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: 1,0 điểm - Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra: 1,0 điểm.

Tiêu chuẩn 11
CÔNG TÁC PHÁP CHẾ
Tổng điểm: 50 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng(MC)/Phương pháp đánh giá(PPĐG)
1	Xây dựng kế hoạch công tác pháp chế năm học	2,0	<p>MC: Kế hoạch công tác pháp chế năm học do thủ trưởng đơn vị phê duyệt.</p> <p>PPĐG: Có kế hoạch công tác pháp chế năm học do thủ trưởng đơn vị phê duyệt: 2,0 điểm.</p>
2	Thẩm định dự thảo các nội quy, quy chế, quy định của đơn vị trước khi ban hành để đảm bảo tuân theo pháp luật và đúng thẩm quyền	7,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã ban hành trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu). - Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã được thẩm định trước khi ký ban hành có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu) kèm theo các văn bản thẩm định dự thảo nội quy, quy chế, quy định của bộ phận pháp chế. <p>PPĐG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản Tổng hợp Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã ban hành trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 1,0 điểm. - Có Danh sách các nội quy, quy chế, quy định đã được thẩm định trước khi ký ban hành: 1,0 điểm. - Có các văn bản thẩm định dự thảo nội quy, quy chế, quy định: 5,0 điểm. - Mỗi văn bản không được thẩm định trước khi ban hành bị trừ 1,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng(MC)/Phương pháp đánh giá(PPDG)
3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế cho cán bộ, nhân viên, giáo viên, giảng viên, người học	7,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế. - Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị. <p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Kế hoạch và nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế: 1,0 điểm. - Có đầy đủ Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị: 6,0 điểm. - Mỗi đợt (cuộc) tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế không có báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện bị trừ 1,0 điểm.
4	Xây dựng trang (hoặc chuyên mục) thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên website của đơn vị. Đưa nội dung thông tin phổ biến giáo dục pháp luật và cấp phát văn bản, chứng chỉ trên website của đơn vị	8,0	<p>MC: Trang (hoặc chuyên mục) thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên website; nội dung thông tin phổ biến giáo dục pháp luật và cấp phát văn bản, chứng chỉ trên website.</p> <p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Trang (hoặc chuyên mục) thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên website của đơn vị: 2,0 điểm. - Đưa nội dung thông tin phổ biến giáo dục pháp luật trên website: 5,0 điểm. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa nội dung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của đơn vị lên Website: 2,0 điểm. + Đưa nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước lên Website: 2,0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng(MC)/Phương pháp đánh giá(PPĐG)
			<ul style="list-style-type: none"> + Đưa các nội dung khác phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của đơn vị lên Website: 1,0 điểm. - Đưa nội dung thông tin cấp phát văn bản, chứng chỉ trên website: 1,0 điểm.
5	<p>Tổ chức lấy ý kiến và tham gia đầy đủ việc đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo nội quy, quy chế, quy định của cấp có thẩm quyền gửi lấy ý kiến.</p>	4,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp Danh sách các dự thảo văn bản của cơ quan có thẩm quyền gửi đơn vị góp ý kiến trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu). - Các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý. - Các văn bản góp ý kiến có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu). <p>Lưu ý:<i>Chỉ tính đối với các dự thảo văn bản do cấp có thẩm quyền khác ngoài đơn vị gửi đến đơn vị lấy ý kiến góp ý như: Bộ GD&ĐT, ĐHTN, tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan, tổ chức khác....</i></p> <p>PPĐG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản Tổng hợp Danh sách các dự thảo văn bản của cơ quan có thẩm quyền gửi đơn vị góp ý kiến trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu): 1,0 điểm. - Có đầy đủ các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý: 1,5 điểm. - Có đầy đủ các văn bản góp ý kiến: 1,5 điểm. - Mỗi dự thảo văn bản không tham gia đóng góp ý kiến bị trừ 1,0 đ. - Mỗi dự thảo văn bản có tham gia góp ý nhưng nộp văn bản góp ý chậm thời hạn bị trừ 0,5 điểm.
6	<p>Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các dự thảo nội quy, quy chế, quy định của đơn vị trước khi ban hành văn bản chính thức.</p>	5,0	<p>MC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý. - Các văn bản tổng hợp ý kiến góp ý.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng(MC)/Phương pháp đánh giá(PPDG)
			<p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ các văn bản triển khai việc lấy ý kiến góp ý: 2,0 điểm. - Có đầy đủ các văn bản tổng hợp ý kiến góp ý: 3,0 điểm. - Mỗi dự thảo không tổ chức lấy ý kiến bị trừ 1,0 điểm. - Mỗi dự thảo có tổ chức lấy ý kiến nhưng không có văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý dự thảo bị trừ 1,0 điểm.
7	Kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của BGD&ĐT, ĐHTN và của đơn vị.	7,0	<p>MC: Kế hoạch kiểm tra; các báo cáo kết quả kiểm tra và biện pháp giải quyết đối với các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy định (nếu có hành vi vi phạm).</p> <p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch kiểm tra được thủ trưởng đơn vị phê duyệt: 2,0 điểm. - Căn cứ vào chất lượng minh chứng, mỗi nội dung kiểm tra (được xác định theo kế hoạch kiểm tra) có báo cáo kết quả kiểm tra được tính 1,0 điểm. Nếu không có báo cáo kết quả kiểm tra thì không tính điểm đối với nội dung kiểm tra đó.
8	Tham gia các cuộc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN tổ chức trong năm học.	4,0	<p>MC: Văn bản cử cán bộ (kèm theo danh sách cán bộ) đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>PPDG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các cuộc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do BGD&ĐT, ĐHTN tổ chức trong năm học được: 4,0 điểm. - Không tham gia bất cứ cuộc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nào về công tác pháp chế do BGD&ĐT, ĐHTN tổ chức trong năm học: 0 điểm. - Đối với mỗi cuộc tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do BGD&ĐT, ĐHTN tổ chức trong năm học:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng(MC)/Phương pháp đánh giá(PPDG)
			+ Không tham gia: trừ 2,0 điểm. + Có tham gia nhưng cử không đủ số lượng cán bộ tham gia: trừ 1,0 điểm. - Trường hợp BGDDT, ĐHTN không tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm học thì sẽ tính điểm tối đa cho tiêu chí này.
9	Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến lĩnh vực công tác pháp chế đối với ĐHTN.	6,0	MC: Các văn bản báo cáo ĐHTN liên quan đến lĩnh vực công tác pháp chế do Thủ trưởng đơn vị ký ban hành PPDG: - Thực hiện đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của ĐHTN: 6,0 điểm. - Mỗi báo cáo không nộp: trừ 2,0 điểm. - Mỗi báo cáo nộp chậm thời hạn: trừ 1,0 điểm.

Tiêu chuẩn 12
CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ
Tổng điểm: 150 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1	<p>- Có kế hoạch xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong năm học phù hợp với tiến độ đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của đơn vị.</p> <p>- Đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương cao hơn năm học trước, đạt và vượt tiến độ theo chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động.</p>	5	<p>- MC: Kế hoạch hàng năm và các biện pháp, chỉ tiêu cụ thể để xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên của đơn vị. PPĐG: Căn cứ vào số lượng và chất lượng các minh chứng (*).</p> <p>- MC: Số lượng, danh sách, trình độ chuyên môn của cán bộ viên chức và người lao động; các báo cáo đánh giá của đơn vị về thực hiện quy định số lượng giảng viên cơ hữu, trình độ chuyên môn của giảng viên cơ hữu mỗi ngành. PPĐG: 1 ngành học không đảm bảo điều kiện về số lượng và trình độ giảng viên cơ hữu bị trừ 2,5 điểm.</p>
2	Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	70	<p>- MC: Các văn bản, quyết định phong chức danh, học hàm, học vị, quyết định trúng tuyển NCS, kết quả bảo vệ luận án chính thức của cấp có thẩm quyền. - PPĐG: + Đối với các đơn vị đào tạo đại học có dưới 250 CBGD, điểm mỗi chỉ tiêu được nhân với hệ số 1,5 lần; + Đối với Trường CDKT-KT: Điểm mỗi chỉ tiêu được nhân hệ số 2,0 với học vị tiến sĩ, chức danh GS, PGS; hệ số 1,0 với học vị thạc sĩ); + 1 NCS bảo vệ luận án chậm hạn bị trừ 5,0 điểm.</p>
	- 01 người được phong Giáo sư	15	
	- 01 người được phong Phó giáo sư	10	
	- 01 người đạt học vị Tiến sĩ (có kết quả bảo vệ luận án chính thức)	5	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
3	Nâng cao trình độ ngoại ngữ	70	<p>- MC: Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của cấp có thẩm quyền.</p> <p>- PPDG:</p> <p>+ Đơn vị có dưới 250 CBGD, điểm mỗi chỉ tiêu được nhân với hệ số 1,5 lần.</p> <p>+ Đối với Trường CĐKT-KT: Điểm mỗi chỉ tiêu được nhân hệ số 2,0.</p> <p>+ Cứ 1 người được cử đi học ngoại ngữ nhưng không hoàn thành chương trình học tập hoặc có kết quả không đạt yêu cầu bị trừ 2,0 điểm.</p>
	- Đối với giảng viên: Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B1 quốc tế theo tiêu chuẩn châu Âu, TOEFL từ 450 điểm hoặc IELTS từ 5,0 điểm trở lên (hoặc chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương)	3	
	- Đối với giảng viên giảng dạy ngoại ngữ: + Khối chuyên ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh C2 quốc tế theo tiêu chuẩn Châu Âu. + Khối không chuyên: Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh C1 quốc tế theo tiêu chuẩn Châu Âu. (Chứng chỉ ngoại ngữ thứ 2 đạt trình độ B1 quốc tế theo tiêu chuẩn Châu Âu, cụ thể: Tiếng Pháp DELF; Tiếng Anh B1; Tiếng Trung HSK3; Tiếng Nga TORFL – 1).	2	
4	<p>- 100% giảng viên đạt trình độ chuẩn. Đảm bảo tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định hiện hành.</p> <p>- 100% giảng viên giảng dạy trong năm học được lấy ý kiến phản hồi từ người học và có báo cáo đánh giá đầy đủ, đúng hạn theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHTN. Thực hiện tốt chế độ làm việc của giảng viên.</p>	5	<p>- MC: Trích ngang danh sách giảng viên cơ hữu; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, các văn bằng, chứng chỉ liên quan; Báo cáo đánh giá, xếp loại giảng viên; Báo cáo số lượng HSSV, giảng viên quy đổi theo quy định của Bộ GD&ĐT/ báo cáo đánh giá công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>PPDG: Tỷ lệ SV/GV cứ cao hơn 1 SV so với quy định bị trừ 1,0 đ và điểm trừ tối đa là 5,0 điểm.</p> <p>- MC: Các văn bản chỉ đạo, triển khai lấy ý kiến phản hồi, kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên dạy trong năm; Các văn bản, quy định liên quan đến chế độ làm việc của giảng viên.</p> <p>PPDG: + Cứ 20% GV giảng dạy trong năm học được lấy ý kiến phản hồi từ người học được 1,0 điểm. + Căn cứ vào số lượng, chất lượng các minh chứng (*).</p>

Tiêu chuẩn 13
CÔNG TÁC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Tổng điểm: 80 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.	Công tác tổ chức bộ máy và quản lí hệ thống	10,0	
1.1.	<i>Bộ phận chuyên trách CNTT được tổ chức theo mô hình Trung tâm theo đúng NQ số 23/2011 của Đảng ủy ĐHTN. Có Quy chế tổ chức hoạt động theo đúng quy định, được lãnh đạo đơn vị phê duyệt, ban hành.</i>	3,0	- MC: Quyết định thành lập Trung tâm Bản gốc Quy chế + Quyết định ban hành - PPĐG: Có QĐ thành lập Trung tâm: 02 điểm; Có QĐ ban hành Quy chế: 01 điểm;
1.2.	<i>Có Bảng phân công chức trách nhiệm vụ cho từng CBVC của Trung tâm (Phòng) CNTT (TV) phù hợp với từng vị trí việc làm (Theo quy định của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của ĐHTN).</i>	2,0	- MC: Bảng xác định vị trí việc làm và Bảng phân công chức trách nhiệm vụ cho cá nhân phù hợp với từng vị trí việc làm, được Thủ trưởng đơn vị kí duyệt. - PPĐG: Có đầy đủ: 2 điểm; không có: 0 điểm
1.3.	<i>Có phương hướng, kế hoạch công tác chi tiết đầu năm học và báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả cuối năm về hoạt động CNTT của đơn vị theo các tiêu chí đánh giá thi đua do ĐHTN ban hành.</i>	2,0	- MC: Có báo cáo tổng kết, đánh giá công tác CNTT năm trước, Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch năm hiện thời đã được BGH phê duyệt. - PPĐG: Có kế hoạch, dự toán đã được phê duyệt: 01 điểm; Có báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch: 01 điểm.
1.4.	<i>Có hoạt động đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ chuyên trách của đơn vị về lĩnh vực CNTT-TV.</i>	3,0	MC: Giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khóa học, đào tạo, tập huấn PPĐG: Mỗi CB-VC hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn (có chứng chỉ, chứng nhận): 1,0 điểm, không có: 0 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
2.	Công tác tham mưu và tư vấn và quản lí	20,0	
2.1.	Có kế hoạch, lộ trình và giải pháp chi tiết triển khai Đề án 03 của Đảng ủy ĐHTN khóa V về việc “Tiếp tục chuẩn hóa kĩ năng CNTT cho CB-VC-GV và SV giai đoạn 2” (2015-2020).	5,0	MC: Chương trình, kế hoạch, giải pháp, lộ trình chi tiết được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt; Bảng tổng hợp Kết quả chuẩn hóa cho CB-VC-GV của Đơn vị đến 31/7/2017 (Có xác nhận của Phòng TCCB hoặc do TCCB tổng hợp). PPDG: Có mỗi mục 2,5 điểm. Không có: 0 điểm
2.2.	Có kế hoạch, lộ trình và giải pháp chi tiết triển khai Đề án số 07 của Đảng ủy ĐHTN khóa V về “Xây dựng ĐHTN thành ĐH điện tử vào năm 2020”.	5,0	MC: - Chương trình, kế hoạch, giải pháp (Do Trung tâm CNTT trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp, hỗ trợ kĩ thuật với các đơn vị, bộ phận khác thực hiện). - Bảng tổng hợp Kết quả triển khai tính đến 31/7/2017 (Có xác nhận của BGH hoặc các bộ phận liên quan). PPDG: Có mỗi mục: 2,5 điểm; không có: 0 điểm.
2.3.	Nhà trường đã tổ chức hội nghị, hội thảo, hội thi (hoặc tương tự) chuyên đề về lĩnh vực CNTT cho CB, VC, GV và SV của đơn vị.	5,0	MC: Quyết định, kế hoạch tổ chức hội thi, hội thảo. PPDG: Mỗi cuộc hội thi, hội thảo được tổ chức: 2,5 điểm.
2.4.	Lãnh đạo đơn vị và Trung tâm (Phòng) CNTT (TV) tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo về CNTT do ĐHTN tổ chức; kịp thời và nghiêm túc triển khai các hoạt động chuyên môn về CNTT theo kế hoạch chung của ĐHTN.	5,0	- MC: Bảng chấm công của BTC hội nghị và văn bản triển khai kế hoạch, văn bản chỉ đạo của cấp trên. - PPDG: + Mỗi cuộc họp, hội nghị, hội thảo do ĐHTN tổ chức không tham dự trừ 01 điểm. + Mỗi kết luận hoặc ý kiến chỉ đạo của cấp trên không có văn bản, kế hoạch triển khai trừ 01 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
3.	Công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	35,0	
3.1.	Ứng dụng và khai thác có hiệu quả các chương trình, phần mềm đã được đầu tư vào hoạt động quản lý, điều hành và phục vụ đào tạo (Quản lý Đào tạo, Nhân sự, Khoa học, Tài sản, Hồ sơ - Minh chứng, Kế toán, Thư viện vv...)	5,0	MC: <u><i>Báo cáo KO triển khai</i></u> các chương trình, phần mềm của đơn vị đang sử dụng kèm ảnh chụp giao diện chính của Phần mềm (có xác nhận của bộ phận sử dụng + kiểm tra thực tế trên hệ thống). PPĐG: Mỗi phần mềm đã sử dụng hiệu quả: 0,5 điểm.
3.2	CB-GV của đơn vị đã sử dụng các PM mã nguồn mở tự xây dựng các chương trình, phần mềm ứng dụng hỗ trợ công tác điều hành và quản lý của đơn vị	10,0	MC: Biên bản đánh giá nghiệm thu phần mềm của Hội đồng nghiệm thu đề tài - sáng kiến Trường. PPĐG: Mỗi chương trình, phần mềm mới được nghiệm thu: 03 điểm. (Chỉ tính những phần mềm được nghiệm thu trong năm học).
3.3.	CB-GV của đơn vị đã sử dụng hệ thống LMS để xây dựng được giáo trình, bài giảng điện tử có tương tác người học hỗ trợ cho việc dạy, học và tự học qua mạng internet.	15,0	MC: Các chuyên trang hỗ trợ học tập trực tuyến do đơn vị xây dựng, phát triển...(Ảnh chụp giao diện +Quyết định nghiệm thu có xác nhận của bộ môn, khoa trực tiếp sử dụng) PPĐG: Mỗi môn học (Bộ môn) đã triển khai: 3,0 điểm.
3.4	Tổ chức hoạt động dịch vụ về CNTT (xây dựng chương trình, phần mềm, website, thiết kế hệ thống, tư vấn giải pháp kĩ thuật, bồi dưỡng ôn luyện kiến thức và kĩ năng CNTT, các sản phẩm ứng dụng CNTT khác...)	5,0	MC: Hợp đồng triển khai, nghiệm thu, thanh lí hợp đồng. PPĐG: Mỗi hợp đồng cung cấp dịch vụ đã hoàn thành : 1,0 đ.
4.	Thực hiện thông tư 07/2010/TT-BGDĐT, về tổ chức hoạt động trang thông tin điện tử của đơn vị.	15,0	
4.1.	Trang thông tin điện tử chính thức của đơn vị sử dụng theo quy định thống nhất của ĐHTN (tên đơn vị và tên viết tắt đúng quy định, sử dụng tên miền cấp IV *.tnu.edu.vn của ĐHTN).	5,0	MC: Kiểm tra thực tế giao diện của trang thông tin điện tử của đơn vị. PPĐG: - Thực hiện đúng quy định: 5,0 điểm; - Chưa đúng: 0 điểm.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPDG)
4.2	Thực hiện các quy định về phòng chống cháy, nổ cho hệ thống máy chủ, bảo mật dữ liệu, an toàn thông tin cho hệ thống Mạng và Cổng thông tin điện tử của Đơn vị theo NĐ 85/2016 của chính phủ và TT. 03/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công tác an toàn, bảo mật hệ thống CNTT.	5,0	MC: Các văn bản triển khai, Các Báo cáo đánh giá định kì (Được Hiệu trưởng ban hành hoặc phê duyệt) PPDG: Thực hiện đúng và đủ theo quy định: 5,0 điểm; Chưa triển khai: 0 điểm.
4.3.	Có chuyên trang “Ba công khai” được thiết kế khoa học, thuận tiện cho tra cứu, với đầy đủ các thông tin theo quy định và được cập nhật thường xuyên.	5.0	MC: photo giao diện trang tin + test thực tế. PPDG: Có đầy đủ các chuyên mục “Ba công khai” theo quy định: 02 điểm; Cập nhật thường xuyên: 3,0 điểm.

Tiêu chuẩn 14
CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG, AN NINH - PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ
VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CHO CBVC VÀ HSSV
Tổng điểm: 70 điểm

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
1.	Giáo dục quốc phòng, an ninh (GDQPAN) và phòng chống cháy nổ.	10,0	
1.1	<p><i>- Quản lý, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ GDQPAN cho đội ngũ học sinh sinh viên (HSSV) của đơn vị.</i></p> <p><i>- Chỉ đạo việc thực hiện tốt nhiệm vụ GDQPAN và thực hiện nhiệm vụ huấn luyện dân quân tự vệ (DQTV) hàng năm cho cho đội ngũ cán bộ viên chức.</i></p>	5,0	<p>MC: - Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, các quyết định cử sinh viên đi học các môn GDQPAN hàng năm; Tỷ lệ nhận chứng chỉ GDQP của HSSV.</p> <p>- Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, kế hoạch, các quyết định cử cán bộ viên chức đi học GDQPAN các loại đối tượng và tập huấn DQTV hàng năm; Kết quả huấn luyện; Cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện.</p> <p>PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng^(*).</p>
1.2	<i>Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ tại cơ quan, đơn vị và nơi làm việc.</i>	5,0	<p>MC: - Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy; Các tài liệu liên quan đến việc trang bị, bổ sung thiết bị PCCC; Kế hoạch, quyết định cử CBVC tham gia tập huấn công tác PCCC; Biên bản kiểm tra của đơn vị chức năng có thẩm quyền về công tác PCCC.</p> <p>PPĐG: Căn cứ số lượng, chất lượng minh chứng^(*).</p>
2.	Thu nhập ngoài lương cho CBVC từ những khoản thu hợp pháp của đơn vị (bao gồm cả phụ cấp tăng thêm và phúc lợi khác).	20,0	<p>MC: Chứng từ chi thu nhập phụ cấp tăng thêm và chi phúc lợi khác của đơn vị.</p> <p>PPĐG: Đơn vị có thời gian phát triển > 15 năm: thu nhập</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng (MC)/Phương pháp đánh giá (PPĐG)
			ngoài lương 300.000 đ/CBVC/năm được 1,0 điểm; đơn vị có thời gian phát triển ≤ 15 năm: thu nhập ngoài lương 200.000 đ/CBVC/năm được 1,0 điểm. (Thu nhập ngoài lương của năm tài chính x được tính cho năm học $x - (x + 1)$)).
3.	Văn thể	40,0	
3.1	Văn thể cho HSSV	25,0	
	a) Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT cho HSSV	15,0	MC: Văn bản, Quyết định, kế hoạch, nội dung hoạt động, dự toán kinh phí cho hoạt động văn thể. PPĐG: Tổ chức thực hiện được 1 giải VH, VN, TDTT được 5,0 điểm.
	b) Đạt giải thưởng văn thể	10,0	MC: Quyết định trao giải thưởng hoặc chứng nhận đạt giải văn hóa, văn nghệ, TDTT của cấp có thẩm quyền PPĐG: Giải thưởng cấp ĐHTN: 2,0 điểm/giải; giải thưởng cấp tỉnh, Bộ: 3,0 điểm/giải; giải thưởng cấp Quốc gia: 5,0 điểm/giải.
3.2.	Văn thể cho CBVC	15,0	
	a) Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, tham quan, nghỉ mát cho CBVC	9,0	MC: Văn bản, Quyết định, kế hoạch, nội dung hoạt động, dự toán kinh phí cho hoạt động văn thể, tham quan, nghỉ mát. PPĐG: Tổ chức thực hiện được 1 giải VH, VN, TDTT hoặc 1 chuyến tham quan, nghỉ mát cho CBVC được 3,0 điểm.
	b) Đạt giải thưởng văn thể	6,0	MC: Quyết định trao giải thưởng hoặc chứng nhận đạt giải văn hóa, văn nghệ, TDTT của cấp có thẩm quyền. PPĐG: Giải thưởng cấp ĐHTN: 3,0 điểm/giải; giải thưởng cấp tỉnh, Bộ: 4,0 điểm/giải; Giải thưởng cấp Quốc gia: 6,0 điểm/giải.

Ghi chú: - Điểm trừ hoặc cộng cho mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí không vượt quá số điểm tối đa quy định cho tiêu chuẩn, tiêu chí.

- (*) Không có minh chứng cho tiêu chí (0 điểm); **Hầu như không có hoặc có ít** minh chứng cho tiêu chí (25% số điểm của tiêu chí); **Minh chứng cho tiêu chí đạt mức trung bình** (50% số điểm của tiêu chí); **Có khá nhiều** minh chứng cho tiêu chí (75% số điểm của tiêu chí); **Có rất nhiều** minh chứng cho tiêu chí (100% số điểm của tiêu chí).

3. Khen thưởng từng mặt và khen thưởng thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc

3.1. Đơn vị có thành tích xuất sắc từng mặt, vượt thang điểm tối đa của mỗi tiêu chuẩn theo quy định từ 50% trở lên thì được đề nghị khen thưởng từng mặt.

3.2. Đơn vị có thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc thì được đề nghị khen thưởng đột xuất theo quy định của luật thi đua khen thưởng hiện hành.

Trình tự, hồ sơ đề nghị khen thưởng được thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thi đua, khen thưởng của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên.

4. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua

4.1. Đơn vị có cá nhân hoặc tập thể vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4.2. Đơn vị có cá nhân hoặc tập thể tham nhũng, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, hối lộ, lãng phí đến mức cơ quan chức năng phải can thiệp hoặc phương tiện thông tin đại chúng phản ánh.

4.3. Đơn vị để xảy ra lộn xộn, mất trật tự đến mức các cơ quan chức năng phải can thiệp.

4.4. Đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo tập thể (từ 2 người trở lên) hoặc khiếu nại, tố cáo kéo dài từ 1 năm trở lên mà không được giải quyết dứt điểm.

4.5. Đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đúng thời gian nghĩa vụ đóng góp theo quy định của ĐHTN, tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan khác theo quy định.

5. Quy trình đánh giá và xếp loại

5.1. Cơ sở giáo dục đại học thành viên và các khoa trực thuộc

a) Vào cuối năm học, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các khoa trực thuộc chủ động tập hợp sắp xếp các tài liệu minh chứng kết quả hoạt động trong năm, tổ chức tự đánh giá và cho điểm các tiêu chuẩn thi đua theo bản Tiêu chuẩn đánh giá và xếp loại các đơn vị đào tạo, đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (nếu có).

b) Thời gian nộp báo cáo tự đánh giá cho Đại học Thái nguyên và kèm đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (nếu có) **trước ngày 15/7 hàng năm.**

5.2. Đại học Thái Nguyên

a, Thành lập Đoàn thẩm định của Đại học tiến hành tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá của các đơn vị và kết luận điểm thi đua.

b) Tổ chức họp Ban Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng với các các sở giáo dục đại học thành viên và các khoa trực thuộc để công bố kết quả thẩm định, thảo luận và bỏ phiếu suy tôn, xếp loại đơn vị, đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các đơn vị trong khối.

c) Công nhận các danh hiệu **“Đơn vị xuất sắc khối”, “Đơn vị giỏi khối”, “Đơn vị khá khối”** theo quy định:

- **Đơn vị xuất sắc khối:** Là danh hiệu để tặng cho đơn vị đạt từ 1400 điểm trở lên, không vi phạm những điểm quy định tại khoản 4 của bộ tiêu chuẩn này và đạt các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng.

- **Đơn vị giỏi khối:** Là danh hiệu để tặng cho đơn vị đạt từ 1300 - 1399 điểm, không vi phạm những điểm quy định tại khoản 4 và đạt các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng.

- **Đơn vị khá khối:** Là danh hiệu để tặng cho đơn vị đạt từ 1200-1299 điểm, không vi phạm những điểm quy định tại khoản 4 và đạt các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng.

d) Báo cáo Bộ GD&ĐT kết quả tự đánh giá của các đơn vị, kết quả thẩm định của Đại học và kết quả suy tôn xếp loại, đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng **trước ngày 20/7 hàng năm.**

5.3. Khen thưởng

- Đơn vị được tặng danh hiệu **“Đơn vị xuất sắc khối”** được cấp giấy chứng nhận và phần thưởng tương đương với 8 lần mức lương tối thiểu chung.

- Đơn vị được tặng danh hiệu **“Đơn vị giỏi khối”** được cấp giấy chứng nhận và phần thưởng tương đương với 6 lần mức lương tối thiểu chung.

- Đơn vị được tặng danh hiệu **“Đơn vị khá khối”** được cấp giấy chứng nhận và phần thưởng tương đương với 4 lần mức lương tối thiểu chung.